

HỌC VIỆN SAO BIỂN NHA TRANG

THÔNG DIỄN THẦN HỌC (HERMENEUTIC)

Phaolô NGÔ Đình Sĩ

20 Tháng 03 Năm 2026

THÔNG DIỄN THẦN HỌC

CHƯƠNG I: TỪ KIẾN THỨC ĐẾN DIỄN GIẢI

Dẫn nhập

Thông Diễn Học (viết tắt là TDH) dịch từ thuật ngữ Hermeneutics vốn là **một môn học**, một **phương pháp** để thấu hiểu văn bản tuy rất cũ kỹ, nhưng cũng rất mới mẻ. Từ đầu thế kỷ thứ 20, TDH cũng đại biểu cho một nền triết học mà Hans-Georg Gadamer (1900-2002) gọi là Thông Diễn Triết Học (philosophische Hermeneutik). Rất cũ, bởi vì TDH đã bắt nguồn ngay từ khi con người có ngôn ngữ (language), và nhất là ngôn từ (words) và ngôn tự (written language).

TDH thường đồng nghĩa với **môn học về ngôn ngữ**, ngôn từ và ngôn tự, tức môn học giúp chúng ta hiểu được văn bản (texts), cũng như truyền đạt ý mình cho người khác.

Nói cách khác, TDH bao gồm hai phần: phần thứ nhất xác định ý nghĩa xác thực của nội dung câu nói hay văn bản, truyền thống, giá trị, vân vân; trong khi phần thứ hai giúp ta khám phá ra những huấn đạo hàm chứa hay tiềm ẩn trong những hình thức ngụ ngôn, dụ ngôn, biểu tượng, vân vân.

Trong lịch sử văn học Tây phương, TDH đã từng được sử dụng trong tôn giáo, đặc biệt để giải thích Thánh Kinh. Do đó, hình thức cũ và căn bản nhất của TDH vẫn là môn chú giải (Biblical exegesis).

Đầu thế kỷ thứ 20, TDH xuất hiện theo đúng nghĩa mà chúng ta hiểu ngày nay. Nó không chỉ bao gồm môn chú giải (Exegesis) mà thôi. Thực ra, TDH bao quát ba nghệ thuật: Diễn giải hay giải thích (ars explanandi), Diễn nghĩa hay Giải nghĩa (ars explicandi), **Chuyển nghĩa hay Thuyên thích** hay **Diễn dịch** (ars interpretandi).

Chỉ theo một mạch văn như vậy nên ta có thể nói, TDH cũng là một môn học mới nhất, nó bao gồm tất cả các bộ môn trên, dưới cái tên chung là **Hermeneutics hay Theory of Interpretation** (Auslegungslehre).

Khi học thần học, chúng ta đã biết một chuyển dịch vào **thế kỷ thứ 16** với việc hệ thống hóa các điểm thần học và vào thế kỷ 19 với ảnh hưởng của phương pháp lịch sử trong thần học.

Trong bài viết này, dựa trên tư tưởng nhà thần học Pháp Claude Greffé, chúng ta cố gắng nêu ra những nét đặc trưng của sự chuyển dịch đã được nhận thấy trong thần học từ 30 năm nay. Nói đúng hơn, chính là việc chuyển dịch từ nền thần học dựa trên các kiến thức được thiết lập tới thần học xem như "diễn giải" hoặc nói cách khác, đi từ thần học tín lý đến thần học thông diễn.

Chúng ta cũng ý thức rằng cụm từ "diễn giải" vẫn còn xem như một "cấm kỵ" của một số người. Nhưng với các chuyển dịch thần học hiện nay chúng ta phải nhắc đến sự chuyển dịch triệt để gây ra bởi khủng hoảng "thông diễn học".

1. Nguyên nhân chuyển dịch hiện nay của thần học

Các nguyên nhân dẫn đến sự chuyển dịch hiện nay của thần học.

- Đối với Mặc Khải, thời đại hôm nay chúng ta có 3 nhận xét:

1) Tín lý và Kinh Thánh hình thành một phần chứng tá có chức năng làm sung mãn Tin Mừng và chúng ta biết Tin Mừng mang tính cánh chung.

2) Mặc khải không phải là một truyền đạt đến từ một kiến thức xác định một lần cho tất cả. Mặc khải chỉ ý Thiên Chúa tác động trong lịch sử và kinh nghiệm đức tin của dân Thiên Chúa, kinh nghiệm được diễn dịch trong những biểu đạt diễn giải các hành động của Thiên Chúa. Có nghĩa là, Thánh Kinh tự bản chất đã là một diễn giải. Và việc trả lời của đức tin thuộc về nội dung của Mặc khải.

3) Mặc khải chỉ đạt đến sung mãn, ý nghĩa tràn đầy và hiện thực trong đức tin đón nhận. Chính vì thế, Mặc khải, với tư cách là Lời của Thiên Chúa trong hình thức lời nhân loại hay dấu vết Thiên Chúa trong lịch sử, không thuộc phạm vi phương pháp khoa học, phương pháp phê phán sử quan. Đức tin, theo nhận thức của nó, luôn là một kiến thức diễn giải được ghi dấu bởi các điều kiện lịch sử của thời kỳ đó. Thần học, như là một diễn văn diễn giải, không chỉ là biểu đạt khác của nội dung đức tin luôn đồng nhất và thoát khỏi tính cách lịch sử; **Thần học chính là diễn giải cập nhật hóa của cùng một nội dung đức tin.**

Sau một vài sáng tỏ như thế, chúng ta có thể nói rằng hiểu thần học theo thông diễn học, chính là coi trọng tính lịch sử với tất cả sự thật, ngay cả sự thật được mặc khải và cũng nghiêm túc xem lịch sử tính con người trong tư cách là một chủ thể diễn giải.

Thay vì xóa bỏ tính cách ngẫu nhiên của sự thật theo cách siêu hình học, tư tưởng hiện đại có lẽ sẽ nói rằng lịch sử tính chính là điều kiện cho tất cả khôi phục ý nghĩa. Thần học hiện đại tìm cách rút ra tất cả hệ quả của trực giác này.

Như thế, một tư duy minh bạch dựa trên Mặc Khải dẫn chúng ta hiểu rằng thần học luôn là một công trình thông diễn, ít ra trong ý nghĩa thần học là một diễn giải ý nghĩa hiện nay của biến cố Giê-su Ki-tô từ các ngôn ngữ khác nhau của đức tin.

Quả thật, Chúa Giê-su là chủ của tất cả thời gian, và chúng ta phải lập lại những gì thể hiện trong Chúa Giê-su thành Na-da-rét để quy kết với kinh nghiệm của con người và thế giới.

Nói tóm lại, **chuyển dịch thần học, hay bước đi từ kiến thức cố định đến diễn giải thì liên hệ đến lịch sử gần đây của vấn đề thông diễn học.** Chúng ta chú ý đến 2 điểm sau đây của thần học: a) sự tranh cãi về kiến thức lịch sử theo nghĩa chính lịch sử, b) tranh cãi về kiến thức tư biện hay suy lý.

a. Tranh cãi trên kiến thức lịch sử

Chúng ta đã thấy tác động của phương pháp lịch sử trong thần học. Phương pháp này, trước tiên, đã giải thoát cho thần học mang nặng tính kinh điển và hoàn toàn cắt đứt với các nguồn lịch sử của đức tin. Sau đó, chú giải có tính khoa học và lịch sử có tính khoa học dựa trên các nguồn gốc Ki-tô giáo đã góp phần vào việc tạo ra hố ngăn cách giữa lịch sử và tín điều, giữa sự thật của các nhà chú giải và sự thật của các nhà thần học.

Giả định hàm ý của các nhà chú giải cho rằng sự thật của Ki-tô giáo nằm trong nội dung một bản văn, đó là Kinh Thánh, và người ta có thể khôi phục sự thật đó nhờ các phương pháp khoa học. Chú giải trở thành một nơi bắt buộc phải đi qua để tiến vào sự thật, chính sự thật nguyên vẹn như là nội dung của một bản văn trước đây. Từ đó, xảy ra hệ quả kém hiểu biết về kinh nghiệm của các

cộng đoàn hiện tại và để có thể thắp lên một ngọn nến báo hiệu vấn đề riêng của thần học trên ý nghĩa các bản văn soi sáng cho ngày nay.

Thông diễn thật xứng đáng, từ khi **Dilthey đặt nghi vấn cho kiến thức lịch sử** theo chủ nghĩa duy thực nghiệm và ông ta đã minh chứng rằng **không thể khôi phục được quá khứ mà không có một diễn giải sống động điều kiện hóa bởi tình trạng hiện tại**.

Từ khi Karl Barth xuất hiện, thần học chính là một thông diễn, **thông diễn có chức năng làm cho Lời Thiên Chúa sống động và có ý nghĩa cho ngày nay**. Và ngay cả khi người ta trách cứ Barth vì ông ta đã dễ dàng với nghiên cứu phê phán các bản văn. Bullman cũng chống chủ nghĩa lịch sử duy thực nghiệm; với chủ nghĩa này, người ta tưởng mình sẽ đạt đến một kiến thức chính xác của quá khứ theo cách của các khoa học chính xác. Kiến thức hiện hữu - nghĩa là kiến thức diễn giải, và thứ kiến thức không thể tách biệt với diễn giải của chính chủ thể - là kiến thức lịch sử duy nhất và đích thực khác với kiến thức cho là khách quan của chủ thuyết lịch sử.

Tuy vậy, ngày nay, chúng ta biết nhiều hơn, từ khi xuất hiện các công trình của Gadamer và **Pannenberg**: nếu chúng ta phản bác chủ nghĩa lịch sử bằng thông diễn, chúng ta sẽ tự giam mình vào trong vấn đề của triết gia Kant, theo ông Kant này, phải tách riêng hệ thống các dữ kiện (đối tượng của các khoa học kinh nghiệm) với hệ thống ý nghĩa hay giá trị (đối tượng của luân lý và siêu hình học).

Thần học Tin lành, để thoát khỏi các tác hại của chủ nghĩa lịch sử, đã phát triển phong phú thêm uy quyền siêu nhiên của Lời Thiên Chúa mà không nhờ các tiêu chuẩn lịch sử. Và từ việc này, người ta đi đến một phân biệt tổn hại giữa chú giải lịch sử và chú giải thông diễn thần học. Chú giải lịch sử tìm ý nghĩa của biến cố từ bối cảnh lịch sử. Chủ nghĩa thông diễn thần học cố gắng cập nhật hóa ý nghĩa của biến cố quá khứ cho chúng ta ngày nay.

Tuy nhiên, người ta chống lại loại thông diễn tâm lý, thông diễn này hiểu bản văn như là một biểu đạt của đời sống chủ quan của tác giả. Cho nên, thông diễn mới, chính là thông diễn tìm ý nghĩa bản văn và luôn tôn trọng sự khác biệt lịch sử của bản văn.

b. Tranh cãi trên kiến thức tư biện

Tranh cãi trên kiến thức lịch sử theo nghĩa chủ nghĩa lịch sử đã làm lung lay thần học nệ cổ (fondamentalisme), thần học cho rằng có thể nối kết một cách trực tiếp với Lời Thiên Chúa trong lắng nghe những lời của Sách Thánh qua văn chương. Một cách chung hơn, người ta không thể đề cập chuyển dịch từ kiến thức đến thông diễn và việc làm lung lay Tín lý mà không nói đến tranh cãi kiến thức tư biện (suy lý) trong triết học hiện đại.

a) Quan điểm Hữu thể học mới của Heidegger, người đã cố gắng khôi phục tư tưởng hữu thể và cùng một lúc phá đổ thần học hữu thể cũ. Nền thần học siêu hình học đã có một thành công tuyệt vời. Nhưng ngày nay chúng ta không thể tư duy thần học theo mô thức siêu hình học: thần học Thiên Chúa của Đức Giêsu Kitô, thần học thiên nhiên, hoàn toàn ở cấp độ hữu thể học. Hơn nữa, triết học hiện nay đã biết từ bỏ việc tự cho mình nắm kiến thức tuyệt đối. Thần học Kitô giáo cũng phải đưa ra các hệ quả đối với tri thức riêng của mình bằng cách phân biệt triết học thông diễn và triết học tri thức.

b) Tiếp đến, khi một thần học tự cho mình là một hệ thống hoàn hảo và mang sứ điệp Kitô giáo phổ quát, thần học sẽ đụng phải phê phán hiện đại trên các ý thức hệ trên tính cách tổng thể

không biện chứng, trên việc khinh thường sự phức tạp lịch sử, và trên sự cố chấp chống lại hiện thực.

Triết gia người Đức Nietzsche đã nghi ngờ đối với vấn đề sự thật. Sự thật tuy không phải là "viễn cảnh", nhưng chúng ta phải chấp nhận rằng chỉ có thể đạt đến sự thật trong một viễn cảnh. Tất cả diễn văn đều tạm thời và tương đối.

- Diễn văn không phải là một tri thức, nhưng là một ngôn ngữ thông diễn, liên quan đến triển vọng của diễn giả.

- Sự thật nhận thức trong nhiều trường hợp thực ra là đa dạng. Ý thức này sẽ không dẫn đến việc phá bỏ đức tin tín điều theo ý nghĩa Kitô giáo của từ ngữ, nhưng ý thức này khiến chúng ta phải luôn thận trọng trước một thần học tín lý nào đó khi thần học này được xem là một diễn đạt duy nhất đích thực của sứ điệp Kitô giáo.

- Chúng ta ý thức rằng thần học luôn ở trong "trạng thái thông diễn", như thế thần học khiêm tốn và đặt vấn đề hơn.

c) Chuyển dịch thần học xuất hiện dưới định nghĩa như một vượt qua tri thức đến thông giải là hệ quả của chuyển dịch các cấu trúc mang tính khả tin của con người hiện đại.

- Các diễn văn của giáo hội ngày nay đã trở nên không ý nghĩa đối với phần đông con người đương thời, những người không phải chỉ vì thờ ơ vô cảm tôn giáo và buông thả thuần phong, nhưng chính họ cảm nhận sâu sắc sự khác biệt giữa đức tin Kitô giáo và tình trạng lương tâm của nhân loại:

* Độc lập của lương tâm

* Nội dung sự thật của một giáo huấn không được chấp nhận vì uy quyền của giáo quyền, nhưng được chấp nhận vì chính nội dung đó thích đáng và đáng chấp nhận. Chính vì thế, tự quyết định là bất khả ngộ đối với một kiến thức thần học nhân danh một quyền bính, thì bất khả ngộ của quyền bính sẽ không được thừa nhận.

* Các thần học "có uy" như thần học của Lời Thiên Chúa theo nghĩa của Barth (chỉ có Thiên Chúa nói đúng về Thiên Chúa) hoặc các thần học công giáo như thần học kinh điển không tương hợp nữa với thể thức tinh thần hiện đại. Như các thời kỳ khác của lịch sử, thần học hiện đại không thể từ chối trung gian hóa các các tương quan của lý trí và đức tin. Trong ý nghĩa này, thần học thông diễn như thần học của Pannenberg (Ki-tô học đến từ dưới thế) cố gắng phản ứng chống lại chủ nghĩa siêu tự nhiên của các thần học Lời Thiên để lấy căn nguyên tin tưởng của sứ điệp Ki-tô giáo trong các biến cố nền tảng.

2. Các hệ quả đối với thực thi thần học theo hướng thần học thông diễn

Chúng ta cố gắng khám phá ra một số chuyển dịch nội tại của thực hành thần học. Ngay như tất cả các bề mặt kết nối chặt chẽ, chúng ta sẽ phân biệt cách xử lý mới các môi trường truyền thống của Thánh Kinh và Tín lý, một chuyển dịch hành vi thần học, sự phát sinh các nơi chốn mới, và các nơi chốn này sẽ thay đổi chức năng các môi trường thần học truyền thống.

a. Một cách xử lý mới các môi trường truyền thống

Các nhà thần học đã thay đổi cách nhìn và thái độ về các vị trí thần học như Thánh kinh hay Truyền thống. Nói cách khác, các văn bản được xem như các tài liệu quy chiếu hơn là "uy quyền".

Về phần Thánh kinh, người ta không xem đó như một dữ liệu theo nghĩa nội dung chân lý chỉ cần chiếm hữu. Đó là một chứng tá dẫn đến các biến cố lịch sử. Như vậy, phải nói đến các diễn giải đức tin, không thể chối bỏ tính lịch sử, nghĩa là tương đối. Trong viễn cảnh cấu trúc, chúng ta có thể nói rằng không có "sự thật" bản văn. Khi đọc, chúng sản sinh ra nhiều ý nghĩa đa dạng.

Nhà thần học nhận bản văn đến từ một cộng đoàn, Giáo Hội; vì cộng đoàn này luôn nối kết liên tục với cộng đoàn nguyên thủy, cộng đoàn đã sản xuất bản văn. Như thế, không thể diễn giải tùy tiện một bản văn. Chính sự liên tục này là điều kiện khả thể của truyền thống.

Như thế, đối với chúng ta, cách đọc với tư cách người tin Thánh kinh luôn là thông diễn trong ý nghĩa là ngày nay chúng ta diễn giải bản văn ở trong lòng cùng một truyền thống với truyền thống trong đó bản văn đã được soạn thảo. Chúng ta có thể nói có một liên tục ý nghĩa nào đó liên quan đến liên tục lịch sử, ngay cả nếu biến cố Giê-su Ki-tô luôn gợi ra trong chúng ta một thông giải và trong các biểu đạt khác tùy theo hoàn cảnh lịch sử của chúng ta.

Quy chiếu vào nguyên thủy ý nghĩa, nguyên thủy của biến cố nền tảng, là chính yếu. Nhưng việc chuyển tải sứ điệp không phải là sự lập lại một kiến thức hình thành một lần cho tất cả: chính là việc cập nhật hóa luôn mới của những gì đã được diễn tả trong Đức Giê-su Ki-tô. Đó là lý do tại sao một thần học sống động luôn là một công trình thông diễn.

b. Khớp nối liên chuyển mới về Kinh Thánh và Tín lý

Xem thần học như một thông diễn, chính là bắt đầu đặt vấn đề lại phân biệt giữa dữ liệu và cấu trúc hình thành trong thần học truyền thống và vượt qua đối lập giữa một thần học gọi là tích cực và một thần học gọi là tư biện (suy luận); từ ba thế kỷ nay đã có tổn hại về tính thống nhất của tri thức thần học. Thực ra, sự phân biệt này góp phần cho việc "ly dị" giữa lý trí và lịch sử trong công trình thần học và trong sự trỗi vượt đối với thần học kinh điển bị cắt đứt khỏi các nguồn Thánh kinh. Chủ nghĩa tích cực lịch sử và chủ nghĩa duy lý thần học có cùng một nguồn gốc, biết đó là thiếu tri thức hiểu biết thông diễn đích thực trong quá khứ. Chúng ta có thể minh chứng rằng làm sao sự thiếu tri thức này là di sản của phân biệt theo Kant giữa kiến thức các sự kiện và sự tìm kiếm ý nghĩa. Thần học gọi là tích cực bị giới hạn ở việc thu nhận các tài liệu của quá khứ. Thần học tư biện đã có thể thực hiện công trình xây dựng lý thuyết, như thế người ta có thể hài lòng việc phân biệt ngây thơ giữa một dữ kiện mà người ta có thể đọc thấy ý nghĩa khi bỏ trong ngoặc đơn sự hiểu biết ngày nay và một xây dựng có lẽ chỉ có một tương quan xa xăm với dữ kiện này. Chúng ta biết rằng chúng ta không thể kiểm kê các nguồn đức tin mà không mài mòn hoàn toàn cho một công việc diễn giải.

Để vượt qua phân biệt giữa dữ kiện và xây dựng dẫn dắt chúng ta đi đến một chuyển dịch các chức năng đa dạng của thần học. Chúng ta đã bỏ sự phân chia 3 phần của thần học tín lý xuất phát từ việc chống Cải cách: trình bày giáo điều của Giáo hội, minh chứng giáo điều này qua Thánh kinh và Truyền thống, tư biện (suy luận) đào sâu. Các nhà thần học không đề cập đến Thánh kinh một cách đơn giản để chứng thực hay xác nhận giáo huấn của Giáo quyền như trong trường hợp thần học Công giáo mãi đến ngưỡng cửa của Công đồng Vaticanô II.

Chính việc đọc Thánh kinh hiện nay dẫn đưa chúng ta đến một diễn giải các phát biểu tín lý trong khi vẫn ý thức tình trạng của các câu hỏi và trả lời, tình trạng cho cơ hội hình thành các phát biểu đức tin. Ngôn ngữ tín lý là diễn đạt một ý thức của Giáo hội về những gì Giáo hội sống vào lúc đó. Cũng như thế, chúng ta không thể xác định căn tính Giáo hội và Vương quốc Thiên Chúa, cũng như nói về một căn tính thuần khiết và đơn giản của ngôn ngữ thần học và Lời của Thiên Chúa. Nếu

chúng ta tránh nhận định hoặc Thánh kinh, hoặc Tín lý với Lời Thiên Chúa, như thế chúng ta hiểu được tính bổ sung của Thánh kinh và Tín lý trong việc Giáo Hội chiếm hữu dần dần các sự giàu có của Mầu nhiệm Thiên Chúa. Một cách cụ thể, chức năng thông diễn của thần học được đo lường bằng tương hợp hỗ tương các tín điều tuyên xưng đức tin và Thánh kinh. Chúng ta đọc Thánh kinh từ tầm nhận thức này, tầm nhận thức lập thành Truyền thống Giáo hội. Đó cũng chính là phương pháp ưu tiên của thần học tín lý công giáo. Nhưng chúng ta cũng phải làm một hành động ngược lại, nghĩa là đưa chúng ta đến việc đọc lại Kinh Thánh bắt đầu từ chân trời lịch sử riêng biệt của chúng ta, để phân biệt những gì được nhắm đến với một định nghĩa tín lý như thế với những gì nêu lên từ bối cảnh và các trình bày đột phát của một thời kỳ.

c. Hành vi thần học như *intellectus fidei* chuyển dịch

Từ những gì chúng ta vừa nói, chúng ta rút ra kết luận nói rằng hành vi thần học như *intellectus fidei* chuyển dịch. Có nghĩa là chúng ta không thể nhận định *intellectus fidei* qua hành vi lý lẽ tư biện, lý lẽ chuyển động theo lược đồ của chủ thể và của đối tượng và lý lẽ tìm cách giải thích những gì đưa đến cho chúng ta hiểu trong mặc khải, bắt đầu từ một số lý lẽ siêu hình học. *Intellectus fidei* có thể đồng hóa với hiểu biết thông diễn học, nghĩa là điều gì khác ngoài một hành vi kiến thức đơn thuần, một thể thức hiện hữu ở đó hiểu biết quá khứ không thể tách rời với diễn dịch tự thân. Điều này đối với chúng ta khá quan trọng với điều kiện thông diễn hiện sinh dừng lại ở mức độ tâm lý. Như Gadamer đã minh chứng điều này, hiểu không bao giờ là một thái độ ứng xử chủ quan đối với một đối tượng nào đó: "*Le comprendre appartient à l'histoire dans son historicité, c'est à dire à l'être même de ce qui est compris*" (Hiểu thuộc về lịch sử trong tính lịch sử, nghĩa là chính hữu thể của những gì được hiểu).

Như thế, chúng ta được phép nói rằng đối tượng trực tiếp của công việc thần học không phải là một đối tượng theo nghĩa toàn bộ mệnh đề chúng ta tìm kiếm những điều thông minh nhưng là toàn bộ các bản văn được hiểu trong lãnh vực thông diễn mở ra bởi Mặc khải. Chúng ta tìm cách mở rộng hữu thể mới của Kinh Thánh và của các "đọc lại" của giáo hội. Để cho hữu thể mới của bản văn mặc khải có ích cho chúng ta, chúng ta phải vượt thắng khoảng cách văn hóa tách biệt chúng ta khỏi bản văn tái tạo trong sản sinh lịch sử. Nhưng đồng thời, chúng ta không nên xóa bỏ khác biệt ý nghĩa mới, vì chính khoảng cách này tạo ra khả năng ý nghĩa mới theo tình huống hiện tại của người đọc. Vậy thần học là chuyển động thông diễn không ngừng, ở đó, những câu hỏi mới đặt ra cho bản văn có thể có nguy cơ của những trả lời không thể dự kiến.

d. Phát sinh các môi trường thần học mới

Thần học Công đồng Vaticano II không còn sử dụng trung gian (*medium*) xây dựng các khái niệm triết học kinh viện. Nhưng nếu thần học sử dụng các khái niệm liên quan đến triết học hiện sinh hoặc từ vựng hoặc các kết quả của khoa học nhân văn như xã hội học và tâm lý học, thì luôn vì lý do ước muốn bí ẩn tái tạo diễn văn tổng thể về thế giới và về con người dưới ảnh hưởng của xu hướng biểu tượng Ki-tô giáo. Hôm nay chúng ta hiểu rõ hơn đó không phải đơn thuần là thay thế triết học Ki-tô giáo với các môi trường mới mà chúng ta gọi là các khoa học nhân văn (khi nói đến khoa học nhân văn, đây là những tên gọi khá rộng) mà không thay đổi một cách sâu sắc cách thức chúng ta làm thần học. Nói đúng hơn, các môi trường này là mới vì các lý tính mới, các tiếp cận khác nhau của thực tại cá nhân và tập thể.

Thần học như thông diễn phải kể đến trong diễn giải thông điệp Ki-tô giáo dù là Tin mừng hay tín lý, phân tích phê phán các điều kiện sáng tạo của mọi ngôn ngữ. Trước khi đón nhận các chủ

đề mới, thần học thông diễn tự vấn về tương quan với ngôn ngữ riêng. Hơn nữa thông diễn không hài lòng với một diễn văn tự phát và tự khẳng định. Từ một phân tích xã hội chính trị, thông diễn thần học phải phân định chức năng ý thức hệ của diễn văn của riêng mình. Thông diễn cũng phải chú ý đến tiếp cận theo logic xã hội các thông điệp đa dạng của giáo hội bằng một phân tích nghiêm ngặt các cấu trúc truyền thông và sản sinh thông điệp trong xã hội. Thông diễn học cũng có thể đặt câu hỏi về chức năng biểu tượng của ngôn ngữ Kinh Thánh hay Tín lý bằng các kỹ thuật phân tích phân tâm học. Cuối cùng, phân tích cấu trúc bó buộc các nhà thần học đừng bao giờ tư duy trên các phát biểu khi bỏ qua hành vi phát biểu. Tất cả những điều vừa nói trên đây minh chứng cho chúng ta rằng cuộc đối thoại giữa thần học và các khoa học nhân văn giả định rằng chúng ta phải luôn có một bàn luận thuộc hệ khoa học luận (épistémologie). Thần học nên xây dựng công trình đối với thông minh đức tin Ki-tô giáo. Khi hoàn toàn muốn cứu tính đặc trưng bất khả quy, có nghĩa là thần học thông diễn không thể hình thành kiến thức bằng cách gián đoạn các tiếp cận khoa học mới trong thời đại của chúng ta, những tiếp cận ít mang tính tổng thể độc đoán nhưng là những tiếp cận kiểm định và sản sinh lý tính.

Điểm quan trọng cuối cùng trong chương mục này, chúng ta nói đến con đường thần học đi, với tư cách hiểu biết về thần học như một diễn giải không thể tách rời sự phát sinh một vị trí tư duy mới, đó là **thực hành Ki-tô giáo**, cả nơi chốn sản sinh ý nghĩa của thông điệp Ki-tô giáo lẫn nơi chốn kiểm chứng thông điệp này. Chúng ta có thể định nghĩa thần học như thông diễn cập nhật hóa Lời Thiên Chúa. Nói cách khác, chúng ta không thể có diễn giải lý thuyết Kinh Thánh bằng cách không quan tâm hay bỏ qua các thực thi đức tin và bác ái hiện nay của các tín hữu. Chúng ta cũng nên tránh những quan điểm rất sai lầm trong ngôn ngữ, thói dựa vào danh hiệu hảo huyền và phù vân của những kẻ muốn phân biệt nghiên cứu chuyên Kinh Thánh với thần học Kinh Thánh, như thể muốn khoe khoang một cách sai lầm và thiếu hiểu biết về ý nghĩa đích thực khi chúng ta tiếp cận bất cứ bản văn Kinh Thánh. Chính Kinh Thánh, linh hồn của thần học sẽ dạy dỗ chúng ta chứ không phải dùng kiến thức gọi là các phương pháp khảo sát Kinh Thánh như một phô trương thô thiển trong cách phân biệt này.

Thần học không phải là một lý thuyết kiến thức hình thành trước việc sống đức tin và đức ái của các Ki-tô hữu. Chính trong những môi trường sống đức tin và đức ái Ki-tô giáo này chúng là những khí cụ diễn giải Kinh Thánh. Việc sống đạo và thực thi Lời Chúa của Giáo hội không gì khác hơn là điều kiện mới của một thông điệp duy nhất không lay chuyển: sống đức tin và thực thi bác ái đóng một vai trò hình thành và kiến tạo trong việc xây dựng thông điệp hay Tin mừng của Chúa Giê-su Ki-tô. Tầm quan trọng của việc thực hành sống đạo là một "nơi chốn" thần học kéo theo một chuyển dịch thần học quan trọng trong mỗi thời kỳ khác nhau. Đây là một chiều kích đích thực mà chúng ta chưa có thể đo lường được tất cả những hệ quả, những hệ quả dưới sự tác động của Chúa Thánh Thần, nhất là trong những gì liên quan đến những đóng góp tư duy đa dạng không thể không nhận biết của thần học Ki-tô giáo. Thần học xứng đáng được gọi là thần học thực tiễn không có diễn giải nào khác hơn ngoài thông điệp sống và trải nghiệm của giáo hội của những người Ki-tô giáo. Chúng ta có thể dùng một biểu đạt khác: thần học là sáng tạo những khả năng hiện hữu mới (thánh Phao-lô gọi là con người mới).

Nói như thế chúng ta bắt buộc phải đề cập đến tương quan biện chứng giữa Kinh Thánh và thực hành đức tin có ý nghĩa. Nếu chúng ta sử dụng Kinh Thánh để minh chứng bất kỳ thực hành Ki-tô giáo nào, chúng ta có nguy cơ làm mất ý nghĩa Kinh Thánh. Thần học trải nghiệm trong cuộc sống đức tin chấp nhận liều lĩnh dự kiến trước tương lai. Có nghĩa là thần học thông diễn không chỉ

cập nhật hóa những gì đến trước, nhưng còn là thực thi niềm hy vọng hay đức cậy trông Ki-tô giáo, đức cậy trông không phải là một hiện hữu "vô gia cư" không nơi chốn và cũng không là hiện hữu quá khứ.

Chúng ta tạm kết luận phân đoạn này.

Chúng ta đã cố gắng trình bày những gì khá mới mẻ trong thực hành thần học. Chúng ta vừa minh chứng sự chuyển dịch hiện nay của thần học như lối đi từ kiến thức cố định đến hiểu biết thông diễn. Chúng ta đã chấp nhận thần học như một diễn giải cập nhật hóa Lời của Thiên Chúa. Mặc dù hiện nay chúng ta có nhiều lý thuyết mới đã thành công trong việc đọc các bản văn, nhưng chúng ta vẫn còn có khả năng có một cách đọc thông diễn các bản văn trình bày cho chúng ta "thông điệp Ki-tô giáo".

Nhiều nhà chú giải hiện nay thừa nhận việc cần thiết kêu nài đến tính bổ sung giữa phương pháp cấu trúc và phương pháp sử quan. Như thế trong thần học, chúng ta cũng không thể chối bỏ khả năng kêu nài đến nhiều lối tư duy thần học trong thần học Tín lý. Nói cách khác, chúng ta mở rộng cho giá trị triết học và khoa học nhân văn mới giúp chúng ta làm cho thần học như một thông minh đức tin với nhiều phương pháp khác nhau.

Thần học như khí cụ phục vụ đức tin Giáo hội, có trách nhiệm về thông điệp Tin mừng của Chúa Giê-su Ki-tô và nghiên cứu các chức năng của các bản văn được giao phó cho Giáo hội, và các nghiên cứu này phải có mục đích phục vụ việc truyền tải thông điệp của Chúa Ki-tô.

Chúng ta cũng ý thức rằng có những nhà thần học muốn bác bỏ cách đọc thông diễn hay diễn giải mới một bản văn không thể sửa đổi, không được chạm đến, liên quan đến thể thức tư duy siêu hình học và thể thức này là một thể thức đã hoàn chỉnh. Chúng ta cũng có thể tự hỏi là họ nhân danh tư duy siêu hình học nào? Có chăng một siêu hình học diễn đạt đúng hoàn toàn chân lý Thiên Chúa?

Chúng ta cũng không thể dừng lại nơi tiếp cận hoàn toàn cấu trúc của ngôn ngữ Kinh Thánh để đặt ra vấn đề thần học Mặc khải trong và qua các từ ngữ con người. Chúng ta có nguy cơ thu gọn, khép kín lại trong giới hạn các bản văn và không thể sắp xếp các điều kiện khả thi của Mặc khải, nghĩa là ý nghĩa đã cho, đã có và một cách đơn thuần là tái tạo lại ý nghĩa đó.

Trong triết học ngôn ngữ hiện nay, các triết gia đã chấp nhận rằng ngôn ngữ là một hệ thống các dấu hiệu, ngôn ngữ là biến cố của một lời. Điều này dẫn chúng ta đến tiếp cận hiện tượng học của ngôn ngữ. Ý NGHĨA CHỈ HIỆN HỮU TRONG GẶP GỠ GIỮA Ý THỨC VÀ THỰC TẠI. Nói, có nghĩa là nói một điều gì đó quy chiếu đến một thực tại. Nếu chỉ dùng một tiếp cận cấu trúc học chưa đủ, chúng ta phải chú ý và thừa nhận cấp độ hữu thể (ontologie) của ngôn ngữ như hữu thể tỏ hiện (onto-phanie), như sự biểu hiện của hữu thể, và đây chính là giả định cần thiết của Mặc khải và một thần học của Lời Thiên Chúa.

CHƯƠNG II: CHUYỂN DỊCH THÔNG DIỄN HỌC HIỆN NAY VÀ HỆ QUẢ CHO THẦN HỌC MẶC KHẢI

Như trong trường hợp Do thái giáo và Hồi giáo, Ki-tô giáo quy chiếu nhất thiết đến bản văn thánh, một bản văn nền tảng. Bản văn mà chúng ta nói đến, chính là Kinh Thánh, có nghĩa là toàn bộ sách được Giáo hội Công giáo đưa vào thư quy, Cựu ước và Tân ước, tất cả là Mặc khải, Lời của Thiên Chúa cho tất cả những ai mang danh Ki-tô hữu. Lễ luật trao ban cho ông Mô-sê và lễ luật trở thành quy luật của Dân Thiên Chúa. Chỉ khẳng định như thế trong và thông qua sự vững chắc của một bản văn chúng ta có thể luôn kêu nài đến, vì bản văn được ký gởi một **Lời** có giá trị quy chiếu tuyệt đối. Chúng ta cũng có như thế các chứng cứ Tông đồ dành cho Chúa Giê-su Ki-tô được khách quan hóa trong các văn bản đa dạng của Tân ước.

Kinh Thánh là trung gian thông qua đó giọng nói của Thiên Chúa trở nên Văn viết. Giọng nói vắng mặt, chính là Hành vi mặc khải của Thiên Chúa luôn được ngầm hiểu. Nhưng nói theo định nghĩa, sự vắng mặt nguồn gốc đã thoát khỏi trí tuệ của chúng ta hay thoát khỏi truy tìm nghiên cứu văn bản của chúng ta. Trong Đức tin, chúng ta đặt vấn đề Thiên Chúa như điều kiện thuộc khả tín của bản văn, nhưng chúng ta đối diện với một bản văn đòi hỏi nhiều phương pháp đọc được xây dựng cho việc đọc bất cứ bản văn nào.

Tất cả thần học của Mặc khải có sứ mệnh tất yếu là tìm hiểu làm thế nào bản văn linh thánh chứa đựng nền tảng và quy chuẩn cho đức tin của chúng ta trong bối cảnh đồng thời lời con người và Lời của Thiên Chúa. Trong thần học Công giáo, chúng ta tìm kiếm trả lời cho vấn đề như sau: thông qua lý thuyết linh hứng theo đó tác giả thánh chỉ là nguyên nhân khí cụ hoàn toàn dưới tác động của Thiên Chúa như tác giả chính. Nhưng khái niệm linh hứng không thể tách rời ý tưởng một bản văn được đọc từng câu một như đọc chính tả, ý tưởng này gây ra một vài khó khăn diễn giải ngày nay. Thật vậy, ngày nay các nhà thần học tư duy rằng chúng ta không thể chấp nhận khái niệm tưởng tượng có một "Thiên Chúa đọc từng lời cho con người viết. Mặc khải hiểu như một kiến thức hình thành toàn bộ một lần cho tất cả và tác giả sách thánh chỉ đóng một vai trò hoàn toàn thụ động viết theo những gì Thiên Chúa đọc.

Ở thời kỳ chủ nghĩa Hiện đại (Modernisme) vào cuối thế kỷ XIX, người ta tự hỏi làm thế nào để hòa giải sự siêu việt của Lời Thiên Chúa và tính hoàn toàn con người của Kinh Thánh. Nhưng ngày nay, vấn đề cũ này đã xuất hiện trở lại mãnh liệt, vì muốn tìm sự minh bạch sinh động của những gì bao hàm trong khi đọc một bản văn. Thực vậy, chúng ta biết không có ý nghĩa khách quan của bản văn chỉ với cách giải thích từng từ ngữ của bản văn, nhưng chúng ta có nhiều ý nghĩa tương ứng với các người đọc. Vấn đề thường hằng các tương quan giữa công trình của Thiên Chúa và tác phẩm của con người trong Mặc khải được đặt ra như thế trong bối cảnh của tư tưởng hiện đại: làm thế nào hòa giải sự hiện hữu của một ý nghĩa nào đó, là thánh ý của Thiên Chúa, với sự nhận biết của con người như nơi chốn duy nhất của sự sản sinh ý nghĩa?

Khi chúng ta nói đến các phương pháp mới để đọc một bản văn trong xu hướng văn học Âu châu vào cuối thế kỷ XX, phong trào tư tưởng gọi là chủ nghĩa cấu trúc học phản đối Thông diễn. Trong bài viết ngắn gọn này chúng ta sẽ không thể làm rõ tình trạng các triết học làm nền móng làm điều kiện cho tranh luận giữa những người chủ trương cấu trúc học với những người theo thông diễn truyền thống. Trong chương II này, chúng ta cần nên biết để hiểu tầm quan trọng của vụ kiện bên Thông diễn là bị cáo. Đương nhiên là chúng ta không bị bắt buộc phải từ bỏ Thông diễn với sự tấn công của nhóm cấu trúc học; nhưng ngược lại vụ kiện này giúp chúng ta chú ý đến sự chuyển

dịch không thể tránh khỏi của Thông diễn dưới "cú đấm" của Cấu trúc học. Và sự chuyển dịch Thông diễn kéo theo một số hệ quả đối với thần học Mặc khải mà chúng ta đã nói trong chương I.

1. Tranh luận (phản kháng) hiện nay về thông diễn học

Khi chúng ta nói đến Cấu trúc học, không chỉ là một phương pháp đọc, nhưng là một **ý thức hệ**, thế thì chúng ta phải nói rằng, ý thức hệ muốn cắt đứt triết học nhân bản được định nghĩa với sự ưu tiên dành cho chủ thể. Ý thức hệ chống nhân bản tìm thấy trong chủ nghĩa tân mác xít của L. Althusser, tân phân tâm học của Lacan, tân chủ nghĩa thực chứng (néo-positivisme) của Cl. Lévi-Strauss và khảo cổ kiến thức (archéologie du savoir) của M. Foucault.

Như thế mọi tiếp cận diễn giải một bản văn bao hàm khả năng khám phá ý nghĩa nguồn gốc, ẩn giấu dưới các chữ của bản văn, phân tích cấu trúc các bản văn không thỉnh cầu bất cứ lý thuyết hai nghĩa nào cả, ngoài gắn kết duy nhất vào cấu trúc nội tại của một bản văn. Diễn giải yêu cầu sự liên tục ý nghĩa và ưu tiên chủ thể, người giải mã du hành thám hiểm ý nghĩa như cuộc thám hiểm duy nhất và luôn giống nhau dù có những khác biệt ngữ cảnh hay bối cảnh lịch sử. Đối với Cấu trúc học, vấn đề không phải là vấn đề liên tục ý nghĩa nhưng vấn đề của việc sản sinh ý nghĩa và chức năng của chúng trong nội tại một bản văn khép kín được tổ chức như một hệ thống ý nghĩa.

Đây là định nghĩa ngôn ngữ như một hệ thống các dấu hiệu và không như dấu hiệu hay biểu đạt một tư tưởng. Các từ có một ý nghĩa đối với các từ khác trong một câu, nhưng không đối với một thực tại ở bên ngoài. Chúng ta nên chú ý nghiêm túc vấn đề hàng ngang các **năng biểu** (signifiants) không yêu cầu một **sở biểu** (signifié) của năng biểu liên quan. Chúng ta nói rằng ngôn ngữ như Lời nói, như biểu hiện ý nghĩa và như biến cố cuộc gặp gỡ được ngôn ngữ hấp thu như một hệ thống. Con người xem như một chủ thể ngôn ngữ để đi vào vùng âm lặng, vùng các cấu trúc và các dấu hiệu phân tán và không thể quy chiếu đến một ý nghĩa tổng thể của thế giới và của con người.

Phân tích cấu trúc các bản văn áp dụng cho cách đọc Kinh Thánh, đặt nghi vấn cho chính tiền giả định một tiếp cận thông diễn, biết đó là quy chiếu đến một ý nghĩa sở biểu (signifié) của Kinh Thánh và như thế chạm đến tác giả Thiên Chúa. Chúng ta vẫn luôn nói ở cấp độ vấn đề giữa các năng biểu và chính phân biệt năng biểu và sở biểu làm mất sự thích đáng của cấu trúc học. Người ta loại bỏ yêu cầu của Thông diễn, thông diễn của ý nghĩa khác, nguồn gốc hiểu được qua phương tiện ý nghĩa thứ nhất. Trong khi đó cách đọc thông diễn một biểu tượng thỉnh cầu ưu tiên của sở biểu hay chúng ta thường gọi là khái niệm, cách đọc cấu trúc học của biểu tượng sẽ nói rằng tất cả sở biểu (signifié) luôn ở trong vị trí của năng biểu (signifiant). Và chính Thiên Chúa không thể được định căn (identifier) với sở biểu hay khái niệm. Thiên Chúa phải được xem như một năng biểu quy cho các năng biểu phụ thuộc.

Chúng ta cũng phải nói rõ rằng cách đọc cấu trúc học phản đối trực tiếp giả định hàm ý của tất cả hiểu biết thông diễn của bản văn quá khứ, mà truyền thống là chân trời cần thiết của sự hiểu biết của chúng ta về quá khứ. Ngược lại với phương pháp lịch sử, phương pháp tìm sự hiểu biết một bản văn bắt đầu từ lúc phát sinh và việc "đọc lại" cập nhật hóa trong truyền thống. Cấu trúc học muốn phải ở lại trong lòng bản văn và sản sinh ý nghĩa khi tự để hướng dẫn bởi cuộc chơi phân biệt các năng biểu. Trong khi đó thông diễn học truyền thống, khoảng cách lịch sử, thay vì là một trở ngại, là phương tiện chắc chắn nhất để hiểu quá khứ; ở đây, thông diễn trở nên một nơi chốn mở rộng không thể thu giảm được, một môi trường gọi là "sự phát tán căn gốc", như J. Derrida đã từng

nói. Nếu người ta muốn diễn giải Ki-tô giáo trong truyền thống, chúng ta phải đưa ra ưu tiên cho sự gián đoạn hơn là sự liên tục, cho các khác biệt hơn là các giống nhau, cho tính khác biệt hơn là tính đồng dạng. Thật là phù vãn khi yêu cầu một ý nghĩa duy nhất và vĩnh viễn cho Kinh Thánh; để nhận làm điều này chúng ta chỉ cần thu gúp và lập lại xuyên suốt các thế kỷ.

2. Chuyển dịch thông diễn học hiện nay

Chúng ta vừa lược qua một cách cô đọng vấn đề tại sao và vì điều gì cách đọc "cấu trúc học" các bản văn, phản đối trực tiếp Thông diễn học như một cách đọc diễn giải liên quan đến hai ý nghĩa (double sens), như lối dẫn vào ý nghĩa qua phương tiện của ý nghĩa thứ nhất. Điều này luôn làm mới thực hành Kinh Thánh của chúng ta.

Có lẽ, luôn có khả năng trong Chú giải dùng phân tích cấu trúc như một phương pháp đến bổ sung cho phương pháp phê phán sử quan. Nhất thiết không có sự tương đồng tuyệt đối giữa hai phương pháp này. Cũng vậy, khi chúng ta đề cập đến các ý thức hệ ẩn dưới hai phương pháp này, chúng ta phải nói đến sự bất tương đồng căn rễ và đối chọi nhau đến chết. Chính J. Derrida đã đưa ra hình thức cực đoan nhất của vụ kiện dành cho Thông diễn như một trào lưu tư tưởng. "Grammatologie ou Herméneutique" (Ngữ pháp học hay Thông diễn học): ở đây chính là vấn đề luân phiên thay thế mà không thể xâm hại. Nơi Derrida, khủng hoảng của Thông diễn trở nên khủng hoảng của tất cả tư tưởng tây phương.

Trong hình thức căn rễ nhất, sự phản đối tất cả dự án thông diễn dẫn đến tự vấn nghiêm túc trên chính khả thể của một diễn văn thần học. Khủng hoảng Thông diễn là khủng hoảng của chính thần học như thu thập và diễn giải ý nghĩa của Kinh Thánh.

Nhưng dù sao đi nữa, khủng hoảng Thông diễn này không những trùng hợp với khủng hoảng của ngôn ngữ, nhưng cùng với khủng hoảng của tư tưởng. Nhưng chúng ta biết rằng tất cả thông diễn đều phải bị kết án thất bại.

Phân tích cấu trúc thực sự đã đặt chúng ta vào chốn ẩn trú các tầm nhìn chủ quan phóng túng, tâm lý, hộ giáo trong sự diễn giải một bản văn. Thật rất khó cho một nhà thần học muốn đứng vững như một nhà ngôn ngữ học trong khái niệm ngôn ngữ. Ngôn ngữ không chỉ phát sinh duy nhất từ phân tích cấu trúc. Nhà thần học không thể tránh ngôn ngữ theo quan điểm ngữ nghĩa. Ngôn ngữ theo triết học hiện tượng luận ở đó người ta nắm bắt lại ý định năng biểu ý nghĩa chủ trì diễn văn. Ngôn ngữ là trung gian, khí cụ truyền thông và giao tiếp giữa các cá nhân. Và chính giao tiếp này là "biến cố" (sự kiện) đích thực của lời nói: tôi-anh-và những điều họ nói với nhau.

Người ta không thể ở lại nơi cấp độ phân tích cấu trúc để thể hiện sự diễn giải của các từ khóa trong ngôn ngữ Kinh Thánh, trong tương quan của chúng với từ "Thiên Chúa", từ nói lên sự thật hơn là từ "hữu thể". Việc đọc Kinh Thánh của các Ki-tô hữu luôn là thông diễn, ít ra là trong ý nghĩa mà chúng ta diễn giải bản văn đã được viết. Cũng có thể có sự đa dạng diễn giải tùy theo các tình huống lịch sử khác nhau. Nhưng truyền thống sống động mà chủ thể là cộng đồng diễn giải được khoanh vùng trong một lãnh vực thông diễn và loại trừ tất cả các diễn giải vô lý, điên rồ, tùy tiện không lô-gic.

Chúng ta thấy có những điều cho rằng đọc thông diễn đã trở nên không thể, những điều khác khẳng định rằng số phận của thông diễn học cần thiết sửa đổi bởi biến cố văn hóa trình bày trong chủ nghĩa cấu trúc học, như là một phương pháp đọc, cũng như là một ý thức hệ. Chúng ta nên nói

bằng cụm từ: "sự chuyển dịch của Thông diễn học". Và sự chuyển dịch này chắc chắn có những hệ quả đối với thần học Mặc Khải.

Sau đây, một cách ngắn gọn và cô đọng, chúng ta cố gắng nêu lên 3 nhận xét sau đây minh chứng sự chuyển dịch này.

a. Thông diễn học lấy khoảng cách với thông diễn lãng mạn

Dưới cú sốc gây ra bởi ý thức hệ Cấu trúc học, tân Thông diễn lấy khoảng cách đối với Thông diễn lãng mạn và tâm lý hóa, dành ưu tiên cho ý tưởng của sự tinh tế, của sự đồng bản tính (công đồng Nicée) giữa người đọc bản văn và tác giả. Tham vọng của Thông diễn lãng mạn là muốn "*comprendre son auteur mieux qu'il ne s'est compris lui-même*" (hiểu tác giả hơn là chính ông ta hiểu ông ta). Ngược lại, tân Thông diễn học tìm cách nối lại các tìm kiếm thăm dò nền tảng của ý thức hệ Cấu trúc học, khi ý thức hệ này muốn thăng tiến một kiểu đọc từ chối nối kết điều muốn nói của tác giả, để tập trung đến khách quan của bản văn và tìm thấy các điều kiện sản sinh. Đối diện với người đọc không phải là tác giả, nhưng là điều muốn nói của bản văn như Gadamer đã nói.

Một mặt, tân Thông diễn học này không từ chối sự hiểu biết bản văn, từ chối việc tìm kiếm chân lý. Và trong điều đó, tân Thông diễn học tự kháng trước sự phá đổ xây dựng ý nghĩa thực hiện bởi chữ nghĩa Cấu trúc học. Nhưng mặt khác, tân Thông diễn nghiêm túc rất nhiều cho sự khách quan của bản văn. Chính vì bản văn như tác phẩm, hay hơn nữa như thế giới của bản văn đặt chúng ta trên con đường chân lý để hiểu và không phải tự cho là hài hòa với tác giả. Theo ngôn từ của Paul Ricoeur: "*Une nouvelle époque de l'Herméneutique est ouverte par le succès de l'analyse structurale; l'explication est désormais le chemin obligé de la compréhension*" (Một thời kỳ mới của Thông diễn học đã mở ra nhờ thành công của phân tích cấu trúc; giải thích từ nay là con đường bắt buộc của sự hiểu biết).

b. Đặt vấn đề trên ý nghĩa khách quan của bản văn

Tân Thông diễn học phản đối thái độ của Thông diễn truyền thống tự cho mình có thể thu thập ý nghĩa khách quan của bản văn khi tìm thấy điều muốn nói của tác giả. Ý thức hệ Cấu trúc học mời gọi chúng ta đặt vấn đề ý tưởng chân lý của bản văn hay của ý nghĩa phải khám phá. Không có ý nghĩa có sẵn ở đó trong bản văn, chỉ cần phục hồi lại là đủ. Ý nghĩa không "đi trước" cũng như "ở dưới" bản văn. Nhưng đồng thời, Thông diễn cũng tìm cách lấy khoảng cách đối diện với Cấu trúc học; đối với họ, ý nghĩa để hiểu không ngoài điều gì khác là cấu trúc của bản văn và cơ chế chức năng của nó. Bản văn giữ tư cách cung cấp vài điều gì đó về thực tại. Bản văn thể hiện một thế giới nào đó.

Những gì phải diễn giải trong một bản văn, chính là đề nghị thể thức, một thế giới như tôi có thể cư ngụ để dự phóng trong đó một trong các khả năng riêng biệt nhất của tôi. Đối tượng của Thông diễn, chính là sự việc, điều, những gì thuộc bản văn; và điều của bản văn, chính là thế giới mà bản văn trình bày đằng trước chúng. Nhưng khi nói về "*un déploiement du monde devant le texte*" (một triển khai của thế giới trước bản văn), chính là ưu tiên ngôn ngữ thi ca đối với chức năng mô tả của ngôn ngữ hằng ngày. Chính đây là cái riêng của tác phẩm văn chương mang tầm tỏ lộ một thể loại thế giới nhất định. Cái riêng của hiểu biết thông diễn, chính là sự nối kết với thế giới mới này, phải được cập nhật hóa một khả năng hiện hữu mới chưa có trong con người chúng ta.

c. Quay về ngôn ngữ trong tính cách đặc trưng nhất của nó

Thông diễn hiện đại tìm con đường của mình bắt đầu từ một từ chối nhân đôi: sự từ chối Thông diễn lãng mạn yêu cầu sự hài hòa lý tưởng giữa người đọc hôm nay và tác giả quá khứ, và người của ý thức hệ lịch sử, dưới hình thức hiện đại, tiếp tục định dạng các sự kiện quá khứ với sự thật. Chuyển dịch này của Thông diễn dưới ảnh hưởng của Cấu trúc học là một hệ quả của sự nghi ngờ đề nặng triết học vị nhân bản hôm nay, được định nghĩa bởi ưu tiên cho chủ thể. "*L'événement de vérité le plus important de notre temps est le décentration de l'homme par rapport à toute fausse subjectivité centrale*" (A. Vergote) (Biến cố sự thật quan trọng nhất của thời đại chúng ta là việc làm lệch tâm con người đối với tất cả tính chủ quan trung tâm sai lầm).

Phải từ bỏ tham vọng của ý thức trở thành sự tự hình thành và trở nên nguồn gốc của ý nghĩa để quay về ngôn ngữ trong những gì là nguyên thủy nhất. Người ta có thể đổ trách Thông diễn hiện sinh của Bultman đã hy sinh tính khách quan của bản văn để dành cho người đọc thuần hóa chủ quan bản văn. Khoảng cách của bản văn kết nối với tất cả khách quan trở nên con đường hiểu biết. "Thế giới bản văn", đứng trước nó, con người đón nhận chính mình rộng hơn liên kết một cách chặt chẽ với sự từ bỏ của ý thức. Thực sự nếu từ nay Thông diễn chiếm lấy càng lúc càng nghiêm túc tính khách quan của bản văn, thông diễn không từ chối tìm kiếm ý nghĩa. Thông diễn không hủy bỏ quy chiếu của bản văn, nhường chỗ cho ý nghĩa duy nhất hiểu trong "ván bài" tương quan hoàn toàn nội tại của bản văn. Phản kháng lại Cấu trúc học, Thông diễn luôn chủ trương rằng sự khác biệt giữa lời và văn viết không thể hủy bỏ chức năng thường hằng của diễn văn là nói điều gì với một ai đó về điều gì đó.

3. Viễn cảnh mới của thần học mặc khải

Vậy chúng ta ý thức một chuyển dịch của Thông diễn dưới cú sốc của trào lưu tư tưởng chỉ định bởi từ *Structuralisme*. Người ta có quyền không thừa nhận ý thức hệ của Cấu trúc học đưa đến những hệ quả cực đoan. Sự tranh chấp của biểu hiện chủ nghĩa trung tâm (logocentrisme) có thể dẫn đến một phản kháng triệt để diễn văn thần học. Nhưng người ta có lẽ lầm vì đã không nghiêm túc nắm lấy những gì hàm ý thông qua các lý thuyết mới của việc đọc các bản văn. Thay vì tiêu cực, chúng ta đã cố gắng đặc trưng trên đây, sự chuyển dịch của Thông diễn có thể giúp chúng ta đào sâu Mầu nhiệm Mặc khải như Lời Thiên Chúa trong và thông qua lời con người.

Giờ đây, chúng ta cố gắng tụ họp tư duy của chúng ta lại, liên quan đến một đối mới thần học Mặc khải xung quanh ba chủ đề dưới đây:

a. Thánh kinh là một chứng cứ và như thế đã là một thông diễn

Chúng ta đã nói trên đây, tân Thông diễn dành tất cả quan trọng cho bản văn được hiểu. Thông diễn chú ý để không lao đến giai đoạn khách quan hóa có lợi cho quyết định hiện sinh. Nhưng thông diễn xem chừng đừng nói sớm quá về một sự thật của bản văn hay một ý nghĩ ngữ nghĩa chỉ cần khám phá, nhờ phương pháp phê phán sử quan tương hợp. Ngày nay, Thông diễn lấy khoảng cách với chủ nghĩa chứng thực tiềm ẩn của chú giải truyền thống nào đó, có lẽ muốn định căn chân lý với nội dung của bản văn. Điều này đôi khi cho phép các nhà chú giải thực thi "chủ nghĩa đế quốc" nhất định, như thể Thông diễn đích thực Ki-tô giáo phụ thuộc chặt chẽ nghĩa đen của bản văn mà các nhà chú giải phục hồi.

Sự chuyển dịch hiện nay của Thông diễn mời gọi chúng ta ý thức hơn về hai lần khoảng cách, không chỉ khoảng cách văn hóa giữa tình trạng lịch sử đương đại của chúng ta và môi trường lịch sử xã hội trong đó bản văn được sản xuất, nhưng còn là khoảng cách (ở trong nội tại của bản văn) giữa chính bản văn và các biến cố bản văn quy chiếu hay đề cập đến. CHÚNG TA NÓI Ở ĐÂY Ý NIỆM CHÚNG TỪ. Đừng xem Kinh Thánh như một dữ kiện trực tiếp linh hứng từ Thiên Chúa nhưng như chứng cứ dưới linh hứng của Chúa Thánh Thần. Có nghĩa là Kinh Thánh không phải là dữ liệu theo nghĩa nội dung khách quan của chân lý, chỉ cần làm quen hay thuần hóa để biết ý nghĩa Lời của Thiên Chúa. Đây là các chứng cứ quy chiếu đến các biến cố lịch sử. Như thế trong đó hiển nhiên có diễn giải nhất định của đức tin, không thể nói là hoàn toàn lịch sử, nghĩa là tương đối. Người ta chỉ có thể giải mã ý nghĩa Lời Thiên Chúa thông qua Kinh Thánh của dân tộc Ít-ra-en trên các biến cố lớn của lịch sử cứu độ mà chính họ đã trải nghiệm trong đức tin như các giai đoạn của Mặc khải của Thiên Chúa.

Nói về Kinh Thánh theo ngôn từ chứng cứ, nghĩa là đồng thời xác nhận Kinh Thánh đã là một diễn giải. Đối với chúng ta hôm nay, đón nhận trong đức tin Lời Thiên Chúa không thể tách rời với hành vi hiểu biết thông diễn qua đó người ta diễn dịch một diễn giải. Thực vậy, biến cố được làm chứng bởi bản văn không bao giờ là một biến cố thô, nhưng là một biến cố đã được diễn giải.

Làm chứng, nghĩa là dùng lời để nói lên một biến cố thực sự đã xảy ra, nhưng không phải là một mô tả đơn thuần và đơn giản một biến cố: chính là làm thẳng tiến biến cố trong một hiện hữu mới. Người ta không thể tách rời biến cố ý nghĩa mới ngoài những gì bao bọc trong chứng cứ. Chính trong Kinh Thánh thể hiện rõ ràng những gì đã trải qua trong chứng cứ như lời trực tiếp trên biến cố. Nhờ chứng cứ, biến cố như thể là những gì thoát khỏi được mặc lấy một ý nghĩa vững bền. Khi trở thành Kinh Thánh, chứng cứ của Dân Ít-ra-en và chứng cứ của cộng đoàn Ki-tô hữu tiên khởi thuộc về lịch sử nhân loại một cách vững chắc và mở ra cho chúng ta các khả năng cập nhật hóa luôn mới trong hệ ý nghĩa và trong hệ hành động. Các biến cố, như đã được loan báo, sẽ có một đời sống riêng mà không cần phải tách biệt với biến cố trong thực thi hành động, khỏi sự nắm bắt của chứng nhân.

Ý niệm chứng cứ áp dụng cho Kinh Thánh mời gọi chúng ta giải mã huyền thoại một khái niệm vẫn còn quá nhân hoá (anthropomorphique) Lời của Thiên Chúa. Nếu chúng ta xem Kinh Thánh như một cơ thể bản văn, chúng ta chỉ có thể tìm thấy ở đó lời của con người. Chúng ta phải từ chối trí tưởng tượng một Lời Thiên Chúa hoàn toàn thuần khiết rơi từ trên trời xuống. Chúng ta phải nhấn mạnh đến đặc tính **gián tiếp** của Mặc khải. Qua đó người ta muốn nói rằng không có Mặc khải trực tiếp theo nghĩa những lời trực tiếp bởi Thiên Chúa. Thiên Chúa mặc khải trong các biến cố lịch sử đã là Lời của Thiên Chúa. Nhưng lời đó hình thành một lịch sử cứu độ đã có ý nghĩa bởi chính nó. Nhưng những lời đó không tỏ lộ ý nghĩa tràn đầy, như thể hiện ý định Thiên Chúa, rằng những lời đó được cập nhật hóa trong ý thức của Dân Thiên Chúa. Phải hiểu rõ rằng mặc khải không chỉ hoàn thành trong lịch sử, nếu mặc khải không hoàn thành đồng thời trong đức tin của Dân Thiên Chúa. Nói cách khác, không có mặc khải theo ý nghĩa một nội dung chân lý nguồn gốc siêu việt, nếu không có sự nội tâm hóa mặc khải trong ý thức nhân loại.

Vậy chúng ta phải vượt qua ý thức quá hẹp hòi và ngoại tại của Mặc khải. Mặc khải không phải là truyền thông đến từ trên cao của một kiến thức xác định một lần cho tất cả. Mặc khải chỉ định không thể tách rời hành động của Thiên Chúa trong lịch sử và kinh nghiệm đức tin của Dân Thiên Chúa được diễn dịch trong biểu đạt thông diễn của hành động này. Như thế, đáp trả đức tin

của Dân Thiên Chúa thuộc về chính nội dung của những gì là Lời của Thiên Chúa đối với chúng ta. **Mặc khải chỉ đạt đến sự viên mãn, ý nghĩa và sự cập nhật trong đức tin đón nhận mặc khải.**

b. Bản văn Kinh Thánh là Mặc khải của một thế giới mới và con người mới với điều kiện ở đó cấu trúc văn chương đã mang mặc khải

Chúng ta đã tin một yếu tố hình thành của chính Mặc khải có thể làm từ hoạt động ý nghĩa của Dân Thiên Chúa. Một mặt, khuynh hướng hiện nay của Thông diễn là phải giải mã huyền thoại ý tưởng một ý nghĩa chính tự thân đã có ở đó trong bản văn, chỉ cần giải mã khi nối kết với những gì tác giả muốn nói, những gì muốn nói là tiếng vọng của những gì Thiên Chúa muốn nói.

Như thế một Thông diễn gắn kết vào "sự việc" của bản văn thay vì đi tìm ý nghĩa mong muốn của tác giả linh thánh, người đã muốn quy chiếu chính mình với tác giả Thiên Chúa, dẫn chúng ta đặt lại vấn đề một thần học Mặc khải đồng dạng một cách cụ thể với linh hứng hiểu như Chúa Thánh thần thổi ý nghĩa cho tác giả.

Ý tưởng giọng nói đằng sau giọng nói, một văn viết nghe theo người đọc chính tả, đề nghị cho chúng ta với một thể thức riêng của Mặc khải ngôn sứ. Paul Ricoeur nhấn mạnh rằng chúng ta phải nghiêm túc xem xét các hình thức nguyên thủy của Mặc khải trong tập Kinh Thánh. Kinh Thánh không chỉ chứa đựng các bản văn ngôn sứ ở đó một con người của Thiên Chúa, một ngôn sứ, nói cho chúng ta về Thiên Chúa. Cũng có những bản văn tường thuật, lề luật, khôn ngoan, phụng vụ... cũng là Lời Thiên Chúa ngang tầm với các bản văn khác đối với chúng ta.

Thế thì giáo thuyết truyền thống về linh hứng đã được rèn luyện để nhận ra trước hết các bản văn ngôn sứ. Giáo thuyết liên quan rõ ràng đến lý thuyết khí cụ nguyên nhân, nghĩa là ý tưởng một văn viết dưới sự đọc chính tả trực tiếp của Thiên Chúa. Đó luôn là vấn đề Kinh Thánh nhận thức tương quan với Thiên Chúa - Ngài là tác giả chính và một tác giả nhân loại.

Khái niệm linh hứng truyền thống dựa trên một giả định ngụ ý, biết được là do người ta thấy từ linh hứng một ơn đoàn sủng hoàn toàn cá nhân và người ta tin rằng có thể phân biệt rõ ràng giữa Mặc khải người ngôn sứ hay Tông đồ, có thể có ý thức thụ hưởng một cách thụ động và linh hứng hay hành động của Thiên Chúa mang đến một chân dung thánh để viết khi tác giả không cần thiết ý thức được sự thúc đẩy của Thiên Chúa.

Đối với khái niệm khá tương tượng của linh hứng, như giọng nói đằng sau giọng nói, như văn viết dưới tiếng Thiên Chúa đọc chính tả, chúng ta phải làm hai chú ý:

a) Chúng ta phải nhấn mạnh nhiều hơn sợi dây giữa linh hứng và đức tin của cộng đồng tuyên xưng đức tin. Một cách đặc biệt, chúng ta bắt đầu từ dây liên hệ giữa Kinh Thánh và Giáo hội tiên khởi để soi sáng vấn đề chung của linh hứng. Chúng ta có thể tiếp tục nói về Thiên Chúa như "tác giả của Kinh Thánh", theo nghĩa nơi đó Ngài chính là tác giả của đức tin của Giáo hội tiên khởi, chính Ngài đã quy tụ cộng đồng này, một cộng đồng đức tin đã tìm thấy biểu đạt và khách quan hóa trong Kinh Thánh.

b) Tất cả các bản văn Kinh Thánh là mặc khải dành cho chúng ta, ngay cả khi đó không phải là các bản văn ngôn sứ, vì tất cả quy tụ chúng ta vào một thế giới mới. Thông diễn hiện đại, như chúng ta đã nhắc trên đây, không nhằm mục đích tìm thấy những gì tác giả thánh muốn nói. Nhưng ngược lại với ý thức hệ Cấu trúc học, họ đã từ chối giải mã một ý nghĩa và một thông điệp, Thông diễn tìm hiểu "đề xuất thế giới bản văn đã mang trong nó; "hữu thể" mới mà bản văn quy chiếu vào.

Các thực tại triển khai trước bản văn, nhưng bắt đầu từ bản văn, đó là những thực tại của thế giới mới, giao ước mới, vương quốc mới, sự ra đời mới của con người.

Nói cách khác, bản văn Kinh Thánh là Mặc khải tôn giáo đối với chúng ta, bởi vì trong chính nó, trong cấu tạo văn bản, đã mang Mặc khải, như tất cả bản văn thi ca vượt qua chức năng mô tả của ngôn ngữ hằng ngày. Đứng trước "hữu thể mới" triển khai bởi bản văn, con người sẽ đón nhận chính mình một hữu thể mới, nghĩa là trải rộng bản thân hoàn toàn tự nhiên của mình. Sự cập nhật hóa một khả năng riêng của con người, có thể được kiểm chứng qua cơ hội của tất cả bản văn thi ca. Nhưng trong trường hợp của bản văn Kinh Thánh, sự thuần hóa hay làm quen với bản văn không chỉ trùng hợp với sự hiểu biết mới về chính mình, nhưng với một khả thể hiện hữu mới và với ý chí làm hiện hữu một thế giới mới. Nói cách khác, không có Mặc khải theo nghĩa mạnh khi không có trao đổi cá nhân và thiết lập một thực thi đạo đức và một xã hội mới.

c. Không thể có cập nhật hóa Mặc khải nếu không sản sinh một thông diễn mới

Mặc khải không chỉ là một quá khứ. Mặc khải đi đến trong khôn ngoan nhân loại hôm nay như Lời Thiên Chúa luôn cập nhật hóa. Truyền thống theo ý nghĩa thần học không chỉ là chuyển tải máy móc một nội dung luôn luôn giống nhau, nhưng Mặc khải chính là hành vi thông qua đó Thiên Chúa giao tiếp với con người.

Một Thông diễn học có phạm trù trung tâm "thế giới của bản văn" luôn có "mặt" truyền thống. Thần học Ki-tô giáo luôn sống với những gì có trước, với một nguồn gốc. Nhưng nếu người ta cố ý tránh nhận định bản văn Kinh Thánh với chân lý nguồn gốc, người ta sẽ có một khái niệm ít tĩnh lặng hơn của truyền thống. Khi nói truyền thống, chúng ta không nói đơn thuần là việc chuyển tải các dữ liệu giá trị cho tất cả thời gian. Trong ngôn ngữ hiện nay của chúng ta, hai từ khóa "truyền thống" và "sản sinh" không đối lập nhau. Áp dụng hay thuần hóa với "thế giới bản văn" không chỉ dẫn chúng ta đến các sản sinh mới ở cấp độ ngôn ngữ, nhưng còn nơi cấp độ thực hành mới.

Thông diễn truyền thống luôn đòi hỏi một sự hài hòa tiền thiết lập, một căn tính nền tảng, một trộn lẫn các chân trời. Thông diễn mới, trong điều kiện Thông diễn nghiêm túc dùng chất liệu văn bản của bản văn nền tảng và lịch sử tính nguồn gốc, là một thông diễn sáng tạo. Chúng ta phải chấp nhận sống dưới chế độ của sự khác biệt. Nếu chúng ta dùng bản văn theo cách tính độc lập của công trình hay của tác phẩm văn bản, không phải là việc lắng nghe nguồn gốc Lời Thiên Chúa mà bản văn chỉ có thể là tiếng vang vọng. Cũng không phải tự nhận ra hôm nay điều muốn nói của một tác giả quá khứ hay kết nối với một khía cạnh bên ngoài hiển nhiên của bản văn. Chính khi Giáo hội "đóng" bản văn (thư quy) là điều kiện của việc "đọc lại" sáng tạo.

Thần học Ki-tô giáo cần sống với một nguồn gốc, là biến cố Chúa Giê-su Ki-tô như biến cố nền tảng. Nhưng Tân ước là chứng từ về biến cố này không phải là một bản văn trao lập tức cho chúng ta ý nghĩa tràn đầy và vĩnh cửu. Chúng ta xem bản văn này như đã là một hành vi thông diễn và khoảng cách giữa chúng ta với bản văn - thay vì là một trở ngại - chính là điều kiện của một hành vi diễn giải mới đối với chúng ta ngày hôm nay. Hiện hữu một tương đồng giữa Tân ước và chức năng Tân ước thực hiện trong Giáo hội tiên khởi và sau đó sản sinh ra một bản văn mới hôm nay và chức năng bản văn thực hiện trong thời hiện tại của xã hội và của văn hóa.

Như thế, chúng ta lấy các khoảng cách đối diện với một Thông diễn tự cho mình có thể phục hồi ý nghĩa nguồn gốc một biến cố quá khứ cho nhận thức đương đại, hay diễn dịch lại một ý nghĩa giống như vậy trong sự đa dạng của ngôn ngữ. Làm công việc thông diễn, chính là sáng tạo những

diễn giải mới và sản sinh ra những hình dung lịch sử mới của Ki-tô giáo trong một thời gian khác và ở một nơi chốn khác. Một thực hành thông điệp như thế tương liên với một khái niệm chân lý không giống hoàn toàn với hữu thể tràn đầy nguyên thủy, cũng không với một hình dung lịch sử cố định. Chân lý đúng hơn là ở dưới dấu chỉ của một tương lai. Chân lý luôn đi đến. Chính là ý nghĩa của chân lý Kinh Thánh như thực tại thuộc hệ cánh chung.

Nếu chúng ta tạm kết thúc khảo sát ngắn gọn về Mạc Khải ở thời đại Thông điệp, một thông điệp ý thức các tiến trình mới đối với sự việc đọc bản văn, chúng ta có thể nói rằng Mạc Khải Ki-tô giáo luôn là truyền thống, bởi vì Mạc Khải cần sống với một nguồn gốc đã xảy ra, biến cố Chúa Giê-su Ki-tô. Nhưng đồng thời, Mạc Khải luôn sản sinh, bởi vì nguồn gốc chỉ có thể thuật lại nhờ dựa vào lịch sử và theo một diễn giải sáng tạo luôn mới.

CHƯƠNG III: TỪ TÍN LÝ ĐẾN THÔNG DIỄN (Hoặc chân lý trong thần học)

Cách đây không lâu, người ta đã nói về các xung đột giữa các nhà thần học tín lý và các nhà chú giải. Bây giờ có nên nói về xung khắc giữa các nhà thần học tín lý và các nhà thần học thông diễn? Điều này không có ý nghĩa, vì thông diễn học không phải là một môn học mới trong tri thức thần học. Chính toàn bộ thần học tín lý hướng tới việc được hiểu như một thông diễn của Lời Thiên Chúa. Tuy vậy, chúng ta không thể chối bỏ rằng các từ ngữ "tín lý" và "thông diễn" đã trở nên một thực tế của các nhà thần học, dấu chỉ hai khuynh hướng khác nhau; nói đúng hơn, hai mẫu thức của công việc nghiên cứu thần học.

- Thần học tín lý xem như một trình bày có hệ thống các chân lý Kitô giáo không mất đi tính chính đáng và thời sự của nó. Nhưng từ "tín lý" (dogmatique) có khuynh hướng chỉ lối cách "độc đoán" hay "giáo điều" của một thần học nào đó, nghĩa là, khuynh hướng này cho rằng trình bày các chân lý đức tin theo nguyên tắc giáo điều của giáo quyền như người thầy sẽ là đảm bảo duy nhất cho Kinh Thánh mà không phải lo lắng quá về việc kiểm soát phê phán liên quan đến các chân lý mà giáo hội đã làm chứng.

Quan điểm thần học này phải luôn bị lên án, trong trường hợp đường lối này chỉ quan tâm đến việc truyền tải chặt chẽ các tradita nghĩa là các nội dung truyền tải, nhưng không bao giờ suy nghĩ đến những gì gói ghém trong traditio như là các hành vi truyền tải.

Thông diễn nêu ra một hoạt động tư tưởng thần học qua đó nhà thần học muốn nối kết sống động giữa quá khứ và hiện tại, và dám đưa ra một thông diễn mới của Kitô giáo ngày nay. Sự kiện thông diễn thần học đưa chúng ta đến một khái niệm không độc đoán của giáo quyền, đến một khái niệm không mang tính nệ cổ của truyền thống, đến một ý niệm đa diện của chân lý Kitô giáo.

- Ngược với khoa học luận cũ (épistémologie), lãnh vực chân lý và ý nghĩa không nhất thiết phải trùng hợp và đồng nhất với nhau.

Thần học hiện đại trong thông diễn giúp chúng ta đặt lại giá trị đặc trưng của chân lý Ki-tô giáo.

1. Bước qua từ mô thức tín lý đến mô thức thông diễn

Ở mỗi thời kỳ lịch sử, thần học có nhiệm vụ đem khôn ngoan và ánh sáng, cũng như dùng ngôn ngữ trong sáng nhất để trình bày ý nghĩa Mặc Khải. Ngôn ngữ này ở vị trí ưu tiên và mang tính chuẩn định cho tất cả đức tin của giáo hội. Nhưng chúng ta không thể lặp đi lặp lại nó một cách thụ động. Ngôn ngữ thần học phải luôn luôn cập nhật hóa một cách thật sống động tương ứng với hoàn cảnh lịch sử mới và luôn đối thoại với các nguồn chưa biết của một văn hóa nào đó.

- **Thần học chính là hiện tượng viết lại từ một văn bản trước đây, không những chỉ qua diễn đạt mới các nguồn Kinh Thánh, Cựu và Tân ước, mà còn qua các diễn giải Kinh Thánh đến từ các truyền thống suốt trong đời sống giáo hội.**

Từ những buổi đầu, thần học Ki-tô giáo có nhiều mô thức diễn đạt. Các giáo phụ đã đọc Kinh Thánh với phương pháp phúng dụ, thần học trung cổ đã rèn luyện mô hình khoa học thần học theo nghĩa triết học A-rít-tốt, thần học giáo hội cải cách chủ trương dành ưu tiên cho bình giải Kinh Thánh

chống lại các nguồn biện chứng của thần học kinh viện. Nhưng ở đây mối quan tâm chúng ta là mô thức tín lý đã thống trị thần học công giáo từ công đồng Trentô cho đến công đồng Vaticanô II.

Thần học theo mô thức tín điều mà chúng ta đã thấy trong các sách giáo khoa kinh điển dùng cho các chủng sinh tiến hành theo ba bước sau đây:

a) Trước tiên, chúng ta có một phát biểu của một luận đề đức tin.

b) Tiếp đến, chúng ta giải thích tín điều, bằng cách nhắc lại các quyết định chính thức của giáo quyền, nhất là các quyết định của công đồng Trentô.

c) Cuối cùng, chúng ta cung cấp các luận chứng bằng cách trích dẫn Kinh Thánh, các giáo phụ và một vài nhà thần học. Chúng ta phải bác bỏ các luận đề đối kháng, đặc biệt nhất là các luận đề của giáo hội Cải cách (Tin lành).

Điều chúng ta nên chú ý ở đây, chính là điểm khởi đầu của công việc thần học, biểu đạt đầu tiên, nguyên tắc chính yếu luôn là giáo huấn cập nhật hóa của giáo quyền (magistère). Tiên đề này đóng vai trò diễn giải duy nhất; kể đến, quyết định lựa chọn giữa các bản văn trước đó: Tân ước, bản văn các giáo phụ, và các thần học trong quá khứ; và cuối cùng cho phép loại bỏ các ý kiến đối lập.

Như thế, thần học giáo điều tự định nghĩa như một bình giải trung thành các tín điều (hệ giáo), nghĩa là những gì Giáo hội đã luôn hiểu và dạy. Kinh Thánh chỉ can thiệp vào với tư cách luận chứng về những gì đã được hình thành.

Thế thì, nơi thần học thánh Thomas, các luận đề ngoài đức tin, luận đề của các công đồng, các nhà thần học và các giám mục, chỉ đúng khi các luận đề đó là biểu đạt chân lý Thiên Chúa trong biến cố tự do của mặc khải, ở đây chính là các luận đề đức tin. Các luận đề này làm tiến hành các lý luận thần học, và các lý luận thần học này đồng hành với các nguyên tắc chính yếu và chân lý của họ chỉ lệ thuộc vào uy quyền của giáo hội là thầy.

Chúng ta đứng trước một hệ thống độc tôn, ở đây giáo huấn đã lấy chỗ của uy quyền Thánh kinh. Và trước viễn cảnh này chúng ta hiểu rằng tại sao thần học "độc quyền" này phải luôn triển khai liên tục trích dẫn Kinh Thánh, các giáo phụ và giáo huấn hiện nay của giáo hội là thầy.

Đối với thần học theo mô thức tín lý, chúng ta thấy có đẳng cấp trong chân lý. Thần học phản chiếu trung thành của thể chế giáo hội, nhận thức theo sự phân biệt giữa giáo hội thầy dạy và giáo hội được dạy, phân biệt vẫn còn hiện hữu vào thời cổ của thần học trung cổ. Thần học chỉ có thể đóng vai trò của nó ở trong lãnh vực xã hội. Nhưng vấn đề được đặt ra ở đây nằm ở trong câu hỏi sau đây:

- Có phải nhiệm vụ duy nhất của thần học sản xuất diễn văn cho thích đáng với giáo huấn chính thức một đẳng cấp như một cấp chính thống hay thần học, với ơn gọi của nó, mang một chức năng phê phán và ngay cả chức năng ngôn sứ đối với tất cả những ai nắm giữ quyền định nghĩa và quyền diễn giải? Nói cách khác, một nguy hiểm đang rình chờ thần học giáo điều, chính là tương quan với chân lý của sứ điệp được quyết định bởi tương quan với thể chế đẳng cấp. Như thế thần học có nguy cơ xuống cấp thành ý thức hệ phục vụ cho quyền bính thống trị trong giáo hội. Chuyện này đã xảy ra trong tất cả các xã hội tôn giáo và thần quyền, đẳng cấp uy quyền thường bị cám dỗ đòi hỏi ở thần học phải sản xuất diễn văn, và diễn văn đó hợp thức hóa họ có độc quyền diễn đạt

một cách đích thực và có quyền loại bỏ các diễn văn đổi mới khi xem chúng như là ngoài lề hay lệch lạc.

Ngày nay, chúng ta chứng kiến một tan rã của hệ thống thần học giáo điều được xem như một hệ thống khép kín và độc đoán. Mô thức "tín lý" hay giáo điều bắt đầu nhường chỗ cho một mô thức diễn đạt mà chúng ta gọi là thông diễn.

- Khi chúng ta nói rằng thần học ngày nay được hiểu theo thông diễn không có nghĩa là trở nên không tín điều. Nhưng điều này muốn nói trước nhất là thần học thông diễn xem quan trọng tính lịch sử của tất cả chân lý, cả chân lý mặc khải, cũng như tính sử của con người như một chủ thể diễn đạt; và thần học thông diễn cố gắng cập nhật hóa ý nghĩa sứ điệp Ki-tô giáo cho hôm nay.

Sau đây là **4 điểm chủ yếu của lối diễn đạt thần học thông diễn**:

1) Khởi điểm thần học như thông diễn, không phải là thay đổi các luận đề thần học nhưng chúng ta tìm cách làm sáng sủa và thông minh, **với sự đa dạng và phong phú các bản văn khảo cứu trong cánh đồng thông diễn mở ra bởi biến cố mặc khải trong Giêsu Kitô**.

2) Intellectus fidei (thông minh đức tin) của thần học thông diễn **không phải là một hành vi của suy lý theo nghĩa cổ điển của tư tưởng hữu thể học**. Chúng ta có thể đồng hóa nó vào "hiểu biết lịch sử" nơi đó việc hiểu biết quá khứ không thể tách rời với thông diễn nội tại và với việc cập nhật hóa **sáng tạo hướng tới tương lai**. Soạn thảo thần học, theo mô thức thông diễn, là một "**hồi tưởng ký ức**" (anamnèse) trong ý nghĩa là trong soạn thảo thần học luôn có một **biến cố nền tảng** và cùng một lúc, cũng có tính cách ngôn sứ trong ý nghĩa là thần học chỉ có thể cập nhật hóa biến cố nền tảng như một biến cố đương thời khi nhà thần học đưa ra một bản văn mới và các bề mặt lịch sử mới. Như thế, thần học như là chiều kích kiến tạo của truyền thống cần thiết phải là một sáng tạo trung thành.

3) Ngược với phương pháp cổ điển trong thần học giáo điều, thần học theo mô thức thông diễn không thỏa mãn với việc trình bày và giải thích các tín điều không lay chuyển của đức tin công giáo khi minh chứng rằng các tín điều này hợp với Thánh kinh, các giáo phụ và truyền thống thần học. **Thần học thông diễn tìm cách làm tỏ hiện ý nghĩa luôn hiện thực của Lời Thiên Chúa, bất luận dưới hình thức Kinh Thánh, tín điều hay thần học, tùy theo kinh nghiệm lịch sử mới của Giáo hội và của con người ngày nay**. Chính vì thế, thần học thông diễn không quan tâm đến sự khác biệt cơ bản giữa một thần học gọi là "thực chứng hay truy nguyên" (positive), thần học này kiểm soát các dữ liệu của đức tin trong lịch sử và đưa ra giải thích tri thức. Thần học thông diễn luôn làm việc với các đối tượng văn bản, qua đó nhà thần học tìm cách hiểu ý nghĩa cho ngày hôm nay và đi từ các điểm đó nhà thần học tiến hành một việc viết lại mới.

4) **Thần học thông diễn được nuôi sống bằng một vòng luân chuyển không ngừng giữa Thánh kinh và Truyền thống**, cả hai vẫn luôn là nơi chốn ưu ái của tất cả thần học. Thần học thông diễn tìm sự hiểu biết thông minh mới của sứ điệp ki-tô giáo khi tôn trọng chu kỳ thông diễn giữa Kinh Thánh và tín điều. Cả hai, cũng như nhau, đều làm chứng tá cho sự sung mãn của Lời Thiên Chúa, ngay cả khi Kinh Thánh vẫn luôn có uy quyền hơn (*norma normans non normata*, *the latin phrase meaning: The Norm of norms which cannot be normed*) đối với viết lại mới mà Kinh Thánh đã gợi ra trong Giáo hội.

Thần học tín lý đến từ việc chống Cải cách đã đọc Thánh kinh trước hết với các giải thích trước đó của truyền thống tín lý. Thần học theo mô thức thông diễn không sợ đi vào một diễn đạt

các phát biểu tín lý với kiến thức tốt nhất về hoàn cảnh lịch sử, hoàn cảnh đó đã là cơ hội cho hình thành thần học và cũng với ánh sáng của việc đọc hiểu Thánh kinh ngày nay, nghĩa là một lối đọc quan tâm đến các kết quả không thể bác bỏ được của chú giải hiện đại.

2. Tầm lịch sử và thần học trong việc xóa mô thức tín lý

Chúng ta có thể bàn thảo lâu về các yếu tố đa chiều đã lôi kéo việc thay thế thần học theo mô thức tín lý bằng thần học mô thức thông diễn. Trong giới hạn của bài viết này, chúng ta không thể làm một điều tra lịch sử chi tiết. Chúng ta chỉ có thể đưa ra ở đây một vài yếu tố quyết định.

Trước tiên chúng ta phân biệt 3 yếu tố theo 3 hệ khác nhau: hệ lịch sử, hệ khoa học luận, hệ tâm lý. Nhưng trong mỗi hệ, chúng ta đều quan tâm đến tầm vóc thần học của biến chuyển. Nói khác đi, những gì đưa ta vào cuộc, chính là ý niệm của chân lý. Thay vì cho rằng khuynh hướng thông diễn của thần học hiện nay làm tổn hại tương lai của thần học tín lý, thần học được xem như một trình bày có hệ thống các chân lý Ki-tô giáo, chúng ta minh chứng rằng thần học thông diễn phục vụ cho nhận thức tốt nhất về tính đặc thù của chân lý thần học.

a. Tan vỡ ý thức hệ nhất quán của hệ thống tín lý

Rung chuyển đầu tiên của thần học công giáo như một hệ thống khép kín và độc tôn đã bị gây ra bởi bùng nổ của các phương pháp lịch sử ở trong lòng tri thức giáo hội. Chính đó là khủng hoảng chủ nghĩa canh tân hiện đại. Dù đẳng cấp giáo quyền đã không đánh giá đúng sự thích đáng của các câu hỏi đặt ra bởi các nhà thần học phái canh tân hiện đại, không ai chối cãi được rằng sự tự mãn của các nhà thần học tín lý bị xén bớt. Họ đã đi đến một hệ thống gọi là "sự thật nhân đôi" (double vérité): hiện hữu sự thật của các nhà chú giải và các sử gia về các nguồn gốc Ki-tô giáo và mặt khác, sự thật của các nhà thần học tín lý.

Nếu thực tế người ta không thể đồng hóa sự thật của Ki-tô giáo với việc tái tạo lại các sự kiện lịch sử: đó là sai lầm của chủ nghĩa lịch sử. Khi người ta không thể chấp nhận việc cắt đứt đối với một thần học kinh điển nào đó giữa các phát biểu tín lý và nền tảng Kinh Thánh và lịch sử: đó chính là sai lầm của thần học duy lý nào đó.

Vài buổi bình minh của thời kỳ hiện đại, Giáo hội tự cho mình là một xã hội độc quyền theo hình thái một ý thức hệ hợp nhất. Thần học theo mô thức tín lý nguyên khối thì đồng nhất với tương quan phòng vệ đối với xã hội tân tiến. Cùng một lúc, thần học này về bề mặt bên ngoài từ chối tính đa dạng ý thức hệ và văn hóa của các xã hội tự do tây phương; thần học này lên án chủ thuyết tín lý đa dạng ngay trong nội tại và tự định nghĩa lấy các quy tắc chính thống và càng ngày càng thu hẹp. Và nghe nói rằng mãi đến Công đồng Vaticanô II, tất cả các giáo sư thần học bắt buộc phải giảng dạy thần học thánh Thomas, như thế vấn đề đa nguyên thần học ở trong lòng giáo hội không thể đặt ra.

Thần học theo mô thức "giáo điều" hoặc hơn nữa thần học kinh điển mà người ta đánh giá là thần học "ba-rốc" (baroque) vẫn còn ở trong vòng nô lệ của cách đặt vấn đề duy lý của thế kỷ thứ 18 và, như chúng ta đã thấy, thần học này có khuynh hướng xây dựng một hệ thống nơi đó quyền bính của giáo quyền được mặc thêm một uy quyền còn lớn hơn là uy quyền của chính Thánh kinh.

Lần đầu tiên trong lịch sử thần học, với phản ứng chống lại nguyên tắc Thánh kinh của giáo hội Cải cách, Kinh Thánh chỉ còn là nguồn của mặc khải, mà không còn là hình thức đầu tiên của đức tin trong mặc khải Do thái Ki-tô giáo. Dưới hình thức duy lý, thần học kinh điển có khuynh hướng trở nên một hệ thống luận đề có thể suy diễn tất cả nội dung đức tin từ các nguyên tắc khả tín.

Những gì định đoạt trong tranh cãi giữa "giáo điều" hay "thông diễn", chính là linh hồn của việc hình thành thần học, không phải là chân lý về những gì phải tin, nhưng chính là việc chắc chắn rằng Thiên Chúa đã nói điều này hay điều khác, sự chắc chắn đã có sự bảo đảm của giáo quyền.

Ngày nay, nhất là từ khi công đồng Vaticanô II, Giáo hội đã chấp nhận đối thoại với một thế giới có tính đặc trưng bằng sự đa dạng ý kiến thuận cho một hệ thống giá trị hay ý thức hệ nào đó. Hơn nữa, giáo hội phải đối đầu với một tình trạng lịch sử ở đó Ki-tô hữu đã ý thức một cách rõ ràng nhiều hơn về chủ nghĩa tương đối của nền văn minh Tây Âu và của chính Ki-tô giáo như một tôn giáo lịch sử. Chúng ta nhận thấy một biến đổi đáng kể trong công trình thần học và trong các phương pháp thần học.

Trước hết, các nhà thần học phải kể đến tính đa thể triết học không thể vượt qua trong ý nghĩa là không có một hệ thống nào có thể tự cho mình dồn tất cả các nguồn của kinh nghiệm nhân loại. Thêm vào đó, triết học không còn là đối thoại duy nhất của thần học. Các nhà thần học không thể chỉ nghiên cứu sự kiện Ki-tô giáo khi hoàn toàn bỏ qua các kết quả của các khoa học nhân văn tôn giáo khác nhau. Như thế, chất liệu thần học chắc hẳn phải kêu gọi đến các tri thức mới đang thành hình trong các môn học khác nhau. Chúng ta muốn nói rằng có các môi trường mới sản sinh thần học - không phải chỉ các lãnh vực tri thức mới ở trong thế giới Tây Âu hiện đại, nhưng cũng ở nơi các nguồn riêng biệt của các văn hóa khác.

Như thế, tòa nhà thần học kinh điển ngày xưa, thần học tự cho tính phổ quát cho tất cả Giáo hội, đã và đang dần dần sụp đổ.

Thần học theo thể loại thông diễn cần thiết là đa thể ngay trong điểm là thần học này muốn không tách biệt với diễn giải Lời Thiên Chúa và diễn giải kinh nghiệm lịch sử nhân loại. Chính vì sự luân chuyển **giữa** việc đọc các bản văn nền tảng và nhận ra "đức tin, các bản văn chứng tá kinh nghiệm Ki-tô hữu nguyên thủy và hiện sinh Ki-tô hữu **để có thể phát sinh một diễn đạt mới sứ điệp Ki-tô giáo.**

Thế thì, hiện sinh Ki-tô hữu, bao gồm văn hóa, chính trị, xã hội, được điều kiện hóa theo tình trạng lịch sử riêng biệt ở mỗi Giáo hội. Nhà thần học Karl Rahner nói rằng chúng ta nhận thấy ngày nay một đa thể thần học một cách có phẩm chất mới (K. RAHNER, "Le pluralisme en théologie et l'unité du credo de l'Eglise", *Concilium*, 46- 1969, tr. 95). Ở đây, không liên quan gì đến sự đa dạng của các "trường phái thần học" theo nghĩa ngày xưa: tính đa dạng vẫn nằm ở trong một môi trường văn hóa và một nền văn minh duy nhất.

Vào cuối thế kỷ 20, trong lúc chúng ta biết nhiều hơn rằng vấn đề tương lai của Ki-tô giáo không còn đặt ra một cách chính yếu ở Tây phương nữa, đa thể thần học đã trở nên định mệnh lịch sử của Giáo hội.

Chúng ta đã thấy phát sinh các thần học giải phóng châu Mỹ La-tinh. Mặc dù các thần học này còn non trẻ, ấp úng, chúng cũng nhận thấy phát sinh các thần học Phi châu và Á châu.

Ngược lại với tinh thần lo buồn ái ngại cho rằng chúng ta đang đi trên một lối đi chủ nghĩa tương đối nguy hiểm và rằng tính thống nhất của đức tin bị đe dọa, chúng ta phải hiểu rằng đa thể thần học và ngay cả các tuyên xưng đức tin, vẫn luôn là biểu đạt và yêu cầu của tính phổ quát đích thực của Giáo hội. Nhưng một cách hiển nhiên, điều này mời gọi thần học phải suy nghĩ lại cho mới quy chế chân lý Ki-tô giáo, quy chế không thể đồng hóa nhất thể với một tri thức tín lý hoàn toàn hình thành một lần cho tất cả.

b. Một khoa thần học luận mới (épistémologie)

Việc vượt qua thần học theo mô thức tín lý để theo mô thức thần học "thông diễn" nêu lên một vấn đề đáng sợ liên quan đến quy chế hay cương vị chân lý trong thần học. Sau đây trình bày một vài tiêu chuẩn vẫn còn trong tình trạng chưa phanh phui cho lắm.

*** Tranh cãi về chân lý như *adaequatio***

("Veritas est **adaequatio** rei et intellectus". Câu này có thể có nghĩa là: Chân lý là sự tương đồng của sự vật với trí thức. Nhưng câu này cũng có thể có nghĩa là: Chân lý là sự tương đồng của trí thức với sự vật).

Chúng ta có thể phân biệt các lý thuyết hệ định tiêu chuẩn: đâu là các tiêu chuẩn cho phép nhận định một phát biểu đúng? Và các lý thuyết kiểm định: đâu là các tiến trình kiểm định để biết nếu như một phát biểu là đúng? Chúng ta có thể nói rằng các lý thuyết này ở trong khuôn thước vấn đề của phát biểu và nền tảng của nó. Theo bối cảnh của thần học phương tây, chúng ta có thể bắt đầu từ tư tưởng của triết gia Heidegger, người đã đặt câu hỏi trên mối dây liên hệ giữa vấn đề chân lý và phát biểu. Triết gia tìm cách phá hủy mối dây này bằng cách khai thông một chân trời đặc trưng hơn (hiện sinh - Heidegger 1) hoặc tìm cách đi ngược lên một lịch sử đặc thù của chân lý và của hữu thể (Heidegger 2).

Việc "hiểu" tính lịch sử, theo nghĩa Heidegger, có một vai trò quyết định cho hiểu biết thần học về các phát biểu đức tin. Điều này mời gọi chúng ta, nói riêng, đặt lại vấn đề thói quen phán đoán môi trường độc nhất của chân lý thần học (như *adaequatio rei* và *intellectus*). Chúng ta biết rằng Heidegger đã muốn vượt qua "thông diễn cá nhân và lãng mạn" của Dilthey khi minh chứng rằng chính hiện sinh của chúng ta, với tư cách là dự phóng chính mình một cách thường hằng, phải được nắm bắt như một diễn giải bao hàm. Trong các bài viết cuối, Heidegger nhấn mạnh vào sự kiện cho rằng thể thức hiện sinh của chủ thể diễn giải chính là năng khiếu ngôn ngữ và, năng khiếu lịch sử và qua hữu thể. Ngôn ngữ diễn giải chúng ta và chính trong ngôn ngữ chân lý đến với chúng ta.

Theo sau Heidegger, Gadamer làm cho truyền thống thành môi trường của diễn đạt. **Truyền thống** chỉ là môi trường sản sinh ra các khác biệt giữa các từ ngữ lịch sử mà chúng đã có ý nghĩa rồi, trong quá khứ và hiện tại. Như thế, tri thức của quá khứ không là một tái tạo tùy tiện: truyền thống là sự nắm giữ những gì nắm giữ chính chúng ta. Ngày nay, dưới chấn động của khoa học nhân văn và của thuyết cấu trúc học, thông diễn mới sẽ chú ý nhiều hơn các điều kiện xã hội, tâm lý, ngôn ngữ của hiểu biết. Thông diễn xem rất nghiêm túc tính khách quan của bản văn trong các điều kiện sản sinh của nó. Qua đó, **thông diễn** nối kết với "việc giải thích" đặc trưng của các khoa học tự nhiên.

Nhưng theo **Paul Ricoeur**, triết gia người Pháp, mới qua đời 2005, **thông diễn** không từ bỏ sự hiểu biết bản văn và việc tìm chân lý. Như là Paul Ricoeur đã từng công nhận: một thời kỳ mới của thông diễn đã mở ra với thành công của phân tích cấu trúc học, việc giải thích từ nay là con đường bắt buộc của hiểu biết.

Hiểu biết theo thông diễn của chân lý trong con đường của Heidegger mời gọi chúng ta lấy khoảng cách đối với khái niệm **siêu hình học** của chân lý, đặc thù của thần học tín lý kinh điển cũng như với ý niệm chân lý giả định bởi thuyết lịch sử. Những gì chung của hai khái niệm vừa nói trên, chính là cả hai đều là các di sản của lối đặt vấn đề của **Aufklärung** (khai sáng), chính là ý tưởng tương ứng, tương hợp giữa một chủ thể và một đối tượng trên cơ sở một tương quan trực tiếp ngay liền

với nguồn gốc, và điều này được nhận định với toàn thể sung mãn của hữu thể như trong tư tưởng siêu hình học hay với một sự kiện đã xảy ra như trong trường hợp thuyết lịch sử.

Tri thức siêu hình học được dùng trong thần học tín lý không đánh giá đúng tính lịch sử căn nguyên của mọi chân lý. Như thế **Truyền thống** được xem như một kho tàng, một chốn tích trữ một số chân lý không được động đến và chỉ có thể truyền tải như thế mà thôi.

Giả định bao hàm của chủ thuyết lịch sử, chính ở chỗ cho rằng chân lý của Ki-tô giáo nhận thấy ở trong một bản văn Kinh Thánh, chân lý đó người ta có thể tái tạo nhờ các phương pháp khoa học. Cho dù nhờ các bản văn hay các sự kiện, chủ thuyết lịch sử tin rằng có thể thiết lập một tương quan tức thời với nguồn mà họ đã nhận định với chân lý.

Tất cả cố gắng của Bultmann, của Karl Barth và của các thần học gia biện chứng, họ tìm kiếm cách thoát khỏi ngõ cụt của chủ thuyết lịch sử khi thay thế từ ngữ thần học vào từ ngữ historique tư duy như nguồn gốc.

Ngày nay, Käsemann chống tư tưởng Bultmann khi ông đồng ý rằng tất cả quan trọng nằm ở lịch sử, nhưng cùng một lúc, ông cũng rất quan tâm giữ gìn tính thích đáng thần học của Chúa Giê-su lịch sử. Trong trường hợp mà Chúa Giê-su lịch sử đã nêu ra đa dạng các chứng tá, chúng ta có thể nhận định chân lý của Ki-tô giáo với khuôn mặt lịch sử Chúa Giê-su.

Cũng như thế, Gadamer tìm cách vượt lên triết học Kant đang tan vỡ, tan vỡ giữa các dữ kiện và ý nghĩa. Käsemann cố gắng vượt qua sự đối lập giữa chủ thuyết ngoại tại thần học và chủ thuyết lịch sử. Chúng ta có thể nói rằng ở thời kỳ hiện đại, khảo cứu đòi hỏi phong phú nhất trong thần học nền tảng liên quan đến các tương quan giữa chân lý và lịch sử.

Người ta lấy khoảng cách đối với tương quan siêu hình học về chân lý, luôn ở dưới các dạng logic, một trùng hợp tức khắc với nguồn và loại bỏ tất cả gián đoạn, khác biệt và đa dạng. Người ta muốn thiết lập một tương quan giữa lịch sử và chân lý, hoàn toàn chấp nhận ở dưới dấu chỉ của sự gián đoạn, của sự khác nhau, và của cá biệt. Thế thì, người ta đang tư duy **truyền thống** không như là một tái sản xuất một quá khứ chết, nhưng như một sản sinh luôn mới. Pierre Gisel, nhà bình giải các tác phẩm của Käsemann, đề nghị nên chỉ khoa học luận mới này như một phả hệ (généalogie) khi quy chiếu vào tư tưởng của Nietzsche.

**** Tương quan phả hệ với chân lý**

Chúng ta tạm dịch câu trích dẫn từ sách của Gisel: "*tất cả diễn văn dẫn đến một hành vi thông diễn, một đánh giá thế giới, một lối đi cá biệt trong nhân loại. Chính trong ý nghĩa người ta nói, từ lúc Nietzsche, về phả hệ. Ngoài luân phiên chủ thuyết lịch sử-siêu hình học, người ta nói toàn thể nguồn gốc và lịch sử, bởi vì người ta không biết toàn thể lịch sử không có nguồn và được nói từ trong lòng lịch sử và như thông diễn của lịch sử này*" (**Pierre GISEL, Vérité et histoire, La théologie dans la modernité: Ernst Käsemann, Paris, Beauchesne, 1977, tr. 627**).

Như thế, chúng ta phải thiết lập một tương quan phả hệ giữa quá khứ và hiện tại. Chúng ta chỉ có thể nói ý nghĩa của nguồn gốc trong ý chí hiện tại, ý chí muốn có trách nhiệm với quá khứ là nguồn. Khi nói rằng thần học là phả hệ, có nghĩa là nói rằng thần học từ phần này qua phần nọ là lịch sử, và nói rằng trong hành trình thông diễn Ki-tô giáo trong hiện tại cũng nói lên ý nghĩa của các nguồn gốc Ki-tô giáo.

Theo Nietzsche, lối vào chân lý luôn là một cuộc sinh đẻ đau đớn, ngoài tất cả các mặt nạ. Chính triết gia này đã nói cho chúng ta phải coi chừng các ảo tưởng của lý thuyết giáo điều tư biện và của chủ thuyết lịch sử. Đối với vấn đề này, Nietzsche đúng là một người khai phóng thực sự việc phê phán hiện đại, phê phán này không chỉ là bản chất khoa học luận, theo nghĩa phê phán triết học Kant, nhưng là theo phong cách "phả hệ". Đó chính là tháo gỡ các cơ chế tinh tế, căn nguyên của những gì không chắc chắn của chúng ta và tự hỏi chúng đến từ đâu. Chúng ta đi, một cách đặc biệt, giải ngộ ảo tưởng, ảo tưởng gồm việc nhận định nguồn gốc với một ý nghĩa sung mãn. Nguồn gốc chỉ nói lên ý nghĩa trong hiện tại.

Nhưng phân tích theo phả hệ không bó buộc chúng ta im lặng hay phản ánh không rõ ràng các diễn đạt. Tương quan phả hệ của quá khứ và hiện tại là nơi sản xuất chân lý và thần học Ki-tô hữu xem như là diễn văn lịch sử phải rút tỉa bài học của một phương pháp như thế (**Pierre GISEL, *Vérité et histoire, La théologie dans la modernité: Ernst Käsemann, Paris, Beauchesne, 1977, tr. 292-295***).

Chính trong hành vi nói lên thế giới hiện tại thần học Ki-tô giáo có thể nói ý nghĩa các nguồn gốc Ki-tô hữu. Nói cách khác, các phát biểu thần học về Ki-tô giáo không chia cách với hành vi phát biểu hiện tại trong hiện trạng của giáo hội. Truyền thống đích thật Ki-tô giáo luôn là một diễn đạt sáng tạo, diễn đạt tiến hành từ một đối chất sống động giữa diễn văn quá khứ của cộng đoàn Ki-tô hữu đầu tiên và diễn đạt hiện tại của Giáo hội. Giáo hội hiểu vấn đề nhờ trải nghiệm cụ thể.

Thần học Ki-tô giáo theo mô thức thông điệp luôn được hướng dẫn trước bởi biến cố Giê-su Ki-tô như biến cố nền tảng. Với chức năng là chứng tá cho biến cố này, Tân Ước không phải là một bản văn giao ngay tức thời cho chúng ta ý nghĩa sung mãn và hoàn hảo. Theo Pierre GISEL¹, phải rút

¹ Pierre Gisel, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1947 tại Geneva, là một nhà thần học và nhà nghiên cứu người Thụy Sĩ trong lĩnh vực các tôn giáo và tín ngưỡng.

Giáo sư tại Đại học Lausanne từ năm 1976 đến 2012, ông đã dành phần lớn sự nghiệp của mình ở đó. Từ năm 2012, ông là giáo sư danh dự tại Khoa Thần học và Tôn giáo học. Ông đã xuất bản nhiều cuốn sách, chủ yếu tại nhà xuất bản *Labor et Fides*, và *Presses Universitaires de France* cũng như các nơi khác. Lúc đầu nghiên cứu của ông hoàn toàn nằm trong thần học Kitô giáo, nghiên cứu của ông dần dần mở rộng. Các nghiên cứu tập trung thần học so sánh Do Thái giáo, Kitô giáo và Hồi giáo, cũng như chú ý dành cho các tái hiện đương đại của tôn giáo. Chúng trải qua các câu hỏi của một lý thuyết tôn giáo và lý thuyết nhân học về tín ngưỡng, để cuối cùng quan tâm đến chức năng tôn giáo, liên quan đến xã hội, trong đó tôn giáo và các biến đổi của nó là một triệu chứng.

Sau đây là các tác phẩm của ông:

- *L'humain entre résistance et dépassement. Entretiens sur le christianisme et le religieux en société contemporaine*, avec Michèle Bolli-Voélin, Le Mont-sur-Lausanne, Ouverture, 2017, 187 p.

- *Qu'est-ce qu'une tradition? Ce dont elle répond, son usage, sa pertinence*, Paris, Hermann, 2017, 164 p. (trad. italienne: *Che cos'è una tradizione? Ciò di cui risponde, il suo uso, la sua pertinenza*, Roma, Inschibboleth Edizioni, 2019, 173 p.).

- *Du religieux, du théologique et du social. Traversées et déplacements*, Paris, Cerf, 2012, 276 p.

- *Traiter du religieux à l'Université. Une dispute socialement révélatrice*, Lausanne, éd. Antipodes, 2011, 174 p.

- *La théologie*, Paris, PUF, 2007, 194 p. (trad. roumaine d'une première version: *Theologia. Statutul, functia si pertinenta sa*, Craiova, Editura Universitaria, 2007, 217 p.; trad. italienne, revue et corrigée: *La teologia: identità ecclesiale e pertinenza pubblica*, Bologna, Edizioni Dehoniane, 2009, 184 p.).

- *Qu'est-ce qu'une religion?*, Paris, Vrin, 2007, 128 p. (trad. italienne, légèrement revue: *Che Cosa è una religione?*, Brescia, Ed. Queriniana, 2011, 173 p.).

- *Les monothéismes. Judaïsme, christianisme, islam*, Genève, Labor et Fides, 2006, 178 p.

- *Sacrements et ritualité en christianisme*. 125 propositions, Genève, Labor et Fides, 2004, 96 p.

ra tất cả các hệ quả loại suy giữa Tân Ước và chức năng Tân Ước đã thực hiện trong Giáo hội tiên khởi, và việc sản sinh một bản văn mới ngày nay và chức năng Tân Ước thi hành hiện nay trong xã hội và văn hóa. Thần học hiểu như một bản văn thông diễn có nhiệm vụ tạo ra các diễn giải mới của Ki-tô giáo và ưu đãi các thực thi Ki-tô giáo có ý nghĩa tùy tình trạng cụ thể của Giáo hội theo thời gian và nơi chốn. Cách thái ngén thần học như thế thì rõ ràng tương liên đến ý niệm chân lý, và chân lý này không phải được nhân diện bởi toàn bộ hữu thể ở nguồn, cũng không phải bởi một nhân vật lịch sử cá biệt.

Chân lý ở dưới dấu chỉ một xảy đến thường hằng. Chính đó là ý nghĩa của chân lý Thánh kinh như một thực tại thuộc phạm trù cánh chung học.

*** Vấn đề của chân lý thần học giáo điều

Trên đây chúng ta vừa đề cập đến một vài dữ kiện lịch sử và khoa học luận góp phần vào việc xóa bỏ mô thức "giáo điều" của soạn thảo thần học. Trong phân đoạn này, chúng ta sẽ nêu ra các yếu tố thuộc hệ tâm lý. Chúng ta có dùng từ biểu trưng tâm bệnh học như là "bệnh lý của vấn đề chân lý", đã phản bội một vài thần học giáo điều khi các thần học này đi lệch vào chủ thuyết giáo điều nệ cổ.

Cũng như thần học luân lý có thể dẫn đến chủ trương vị luật, thần học tín lý cũng có thể dẫn đến chủ nghĩa giáo điều. Tại sao?

Ngày nay, chúng ta hiểu rõ hơn lý do tại sao nguồn vô thức có thể khuynh đảo tất cả các tôn giáo đi tới chủ nghĩa giáo điều. Cho dù trong hệ giáo thuyết, nghi lễ hoặc thể chế, tôn giáo bị cảm dỗ biến các hình thức ngẫu nhiên thành sự kiện cụ thể và cho các dấu ấn của vĩnh cửu vào một vài biểu trưng lịch sử nào đó. Đó chính là chiến lược quen thuộc của các quyền bính tôn giáo khi các dạng thức truyền thống của tôn giáo bị chống đối bởi tình trạng mới của lương tâm nhân loại. Không muốn nhắc đến một vài hình thức mang tích độc đoán cực đoan của ngôn ngữ tôn giáo, chúng ta cũng nhận thấy hiện hữu bạo lực trong các diễn văn sự thật, khi chúng ta phân tích và nhìn kỹ các diễn văn đó, bản chất, là diễn văn toàn diện, đóng vai trò chủ của quá khứ và tương lai và có khuynh

- avec Jean Zumstein, *Bible*, Genève-Paris, Labor et Fides-Cerf, 2000, 92 p. (2e éd., revue et mise à jour, du dossier « Bible », de l'Encyclopédie du protestantisme).

- *La théologie face aux sciences religieuses. Différences et interactions*, Genève, Labor et Fides, 1999, 299 p.

avec Lucie Kaennel, *La création du monde. Discours religieux, discours scientifiques, discours de foi*, Genève-Bienne, Labor et Fides-Société biblique suisse, 1999, 136 p.

- avec Serge Molla, *Images de Jésus*, Genève-Paris, Labor et Fides-Cerf, 1998, 120 p. (2e éd., revue et mise à jour, du dossier « Jésus [images de] », de l'Encyclopédie du protestantisme).

- *Pourquoi baptiser. Mystère chrétien et rite de passage*, Genève, Labor et Fides, 1994, 98 p.

- *La subversion de l'Esprit. Perspective théologique sur l'accomplissement de l'homme*, Genève, Labor et Fides, 1993, 217 p.

- *Corps et esprit. Les mystères de l'incarnation et de la résurrection*, Genève, Labor et Fides, 1992, 94 p.

- *L'excès du croire. Expérience du monde et accès à soi*, Paris, Desclée de Brouwer, 1990, 193 p.

- *Le Christ de Calvin*, Paris, Desclée, 1990, 207 p. (id., 2009, 235 p.; 2e éd., fortement réécrite et avec une postface).

- *Croyance incarnée. Tradition, Écriture, canon, dogme*, Genève, Labor et Fides, 1986, 166 p.

- *La création. Essai sur la liberté et la nécessité, l'histoire et la loi, l'homme, le mal et Dieu*, Genève, Labor et Fides, 1980, 313 p. (id., 1987, 315 p.: 2e éd., complétée et corrigée; et trad. italienne: *La creazione. Saggio sulla libertà e la necessità, la storia e la legge, l'uomo, il male e Dio*, Genova, Marietti, 1987, 235 p.).

- *Vérité et histoire. La théologie dans la modernité*: Ernst Käsemann, Paris-Genève, Beauchesne-Labor et Fides, 1977, 675 p. (id., 1983: 2e éd., corrigée, avec une préface de Christian Duquoc).

hướng trở nên một diễn văn cực quyền (J. GREISCH, "**Le pouvoir des signes, les insignes du pouvoir**", trong *Le pouvoir*, Paris, Beauchesne, 1798, tr. 175-205).

Diễn văn thần học tín điều của Giáo hội không thoát khỏi cám dỗ này, nhất là khi thần học đó nhờ đến các nguồn phương sách của tri thức suy lý tư biện. Ẩn dưới các diễn văn thần học giáo điều, chúng ta có luyến tiếc một nguồn nhận định với sung mãn của hữu thể và của chân lý. Thế giới được định nghĩa bởi sự ngẫu nhiên, con người còn trong tình trạng thiếu, chưa hoàn toàn. Như thế, thần học giáo điều có thể lấy từ tư tưởng Thiên Chúa làm cái nôi siêu hình học, và thần học theo siêu hình học đã thu góp tất cả các ý nghĩa của thế giới, hòa giải tất cả các đối lập, và xóa bỏ tất cả các khác biệt. Thiên Chúa của kế hoạch tư biện có lẽ chỉ còn là một hình chiếu của ước muốn hoang tưởng con người đã không hài lòng về thân phận hữu hạn của họ. Nhà thần học Vergote đã viết: "*Thiên Chúa, nếu Ngài thật sự là Thiên Chúa, chỉ có thể bước vào trong ngự trị chân lý như là một chủ thể ban ý nghĩa mở ra cánh đồng các biểu hiện, chứ không như những gì khép quyền ý nghĩa trong một trả lời cuối cùng. Nếu Ngài là Ý nghĩa, Ngài phải là một chủ thể đại diện cho một siêu quyền cho ý nghĩa* (A. VERGOTE, *Interprétation du langage religieux*, Paris, Seuil, 1974, tr. 54).

Vậy chúng ta phải công nhận rằng có một thỏa hiệp giữa ước muốn quyền lực tuyệt đối gắn liền với tư tưởng siêu hình học và có khuynh hướng giáo điều hóa đức tin Ki-tô giáo. Nhất là từ thế kỷ 18, ý niệm chân lý được soạn thảo trong các công trình thần học như là một khoa học, sẽ là chân lý của logic của các luận đề dựa trên nguyên tắc không mâu thuẫn.

Từ ngữ "giáo điều" (dogme), thông thường dẫn đến biến cố chân lý Thiên Chúa, đến một bất ngờ trong lịch sử, một cách cụ thể trở nên dấu chỉ một sự thật không thể sai lầm bảo đảm cho quyền bính của Giáo hội.

Sau đó, khi tín điều bất khả khả ngộ của giáo hoàng được công bố, một số nhà thần học xem đó là đặc trưng của ý thức hệ riêng của bề mặt lịch sử của Ki-tô giáo, là công giáo không nhân nhượng. Chúng ta có thể nhận ra trong ý muốn gia tăng quyền bất khả ngộ như là một biểu đạt tiêu biểu bệnh lý của sự thật (J. HOFMANN, "**L'infailibilité pontificale: formulation d'un dogme ou genèse d'une idéologie**" trong *Travaux du C.E.R.I.T., Pouvoir et Vérité*, Paris, Cerf, 1981, tr. 209-229).

Trong viễn cảnh như thế, đức tin Ki-tô giáo như một nối kết vào chân lý "xây đến" một cách nhưng không, có phải trùng hợp vô thức với nhu cầu một chắc chắn bất khả ngộ? Chắc chắn phải phân tích các thành phần tâm lý của lương tâm tôn giáo nếu chúng ta muốn đi tận đến cội rễ ẩn giấu của chủ thuyết giáo điều cũng như chủ nghĩa nệ cổ nền tảng. Và sự khoan nhượng của một số tín hữu đối với đa thể thần học hoặc mọi tiểu luận thử tái hình thành phát biểu đức tin Ki-tô giáo, có phải là dấu chỉ một bất an căn bản trước đưng chạm đến hệ thống khép kín của chân lý giáo điều không lay chuyển?

3. Chân lý thần học là một ngôn ngữ thông diễn

Các trình bày trong hai phần trên của nhà thần học Claude GEFFRÉ (1926-2017)², dòng Đa Minh, đã muốn minh chứng rằng thần học theo mô thức tín lý đã ở trong hệ thống Giáo hội từ nhiều thế kỷ nay. Đã đến lúc, người Ki-tô hữu nhận định đúng hơn và tôn trọng hơn đức tin của con người và chân lý của Thiên Chúa. Thần học hiểu theo mô thức thông diễn tôn trọng đúng giá trị hơn tính đặc thù của chân lý được giao cho chúng ta trong mặc khải Ki-tô giáo.

Trong phần cuối này, là phần có lẽ quan trọng nhất, vẫn luôn theo tư duy của nhà thần học Claude Geffré, đưa ra các nguyên tắc của thần học thông diễn.

Chúng ta có thể định nghĩa thần học như là một cố gắng làm sáng tỏ một cách thông minh và ý nghĩa hơn ngôn ngữ đã hình thành cho mặc khải. Ngôn ngữ này đã là một ngôn ngữ diễn giải. Thần học như là một ngôn ngữ diễn đạt mới muốn phát triển các ý nghĩa của mầu nhiệm Ki-tô giáo phù hợp với hiện tại của Giáo hội và của xã hội. Thần học là một con đường vẫn luôn chưa đạt đến hoàn thành để tiến đến chân lý toàn diện. Ngôn ngữ thần học cần phải luôn diễn giải trong trường hợp thần học nhắm đến thực tại của mầu nhiệm Thiên Chúa bắt đầu bằng sự biểu đạt không tương ứng. Và chính vì thế đặc tính riêng của thần học tư biện là không tuân thủ các ý nghĩa đầu tiên của ngôn ngữ mặc khải nhờ sự biểu đạt mới nhờ các tình trạng văn hóa triết học và khoa học đem lại (J. LADRIERE, "La théologie et le langage de l'interprétation", *Revue Théologie de Louvain*, 1, 1970, tr. 241-267).

Sai lầm riêng của chủ trương thần học giáo điều đã thu giảm các biểu đạt của mặc khải trong diễn đạt ý niệm của họ. Thần học thông diễn không bao giờ từ chối một luận lý chặt chẽ của chân lý đức tin, nhưng thần học thông diễn luôn ý thức các giới hạn cấu thành ngôn ngữ đối với một lý tưởng của hệ thống ý niệm. Ngôn ngữ thần học có các tiêu chuẩn riêng của chân lý. Theo định nghĩa các tiêu chuẩn này không thể ở trong hệ khoa học thực nghiệm vì thần học có đối tượng là một thực tại siêu hình.

Tuy vậy thần học luôn có điểm khởi đầu là một khách quan lịch sử: các biến cố nền tảng của Ki-tô giáo. Và chính vì thế một trong những tiêu chuẩn kiểm định riêng của các công trình thần học bao gồm việc đối chiếu các diễn đạt mới của đức tin với ngôn ngữ tiên khởi của mặc khải đã cư mang các biến cố nền tảng, cũng như với các ngôn ngữ diễn giải đa dạng mà chúng ta nhận thấy trong truyền thống.

² **Claude Geffré** (23 January 1926 – 9 February 2017) was a French Roman Catholic theologian. He became a Professor of Theology at the Institut Catholique de Paris in 1965, and he was the director of the École Biblique in Jerusalem from 1996 to 1999. He was an expert on Biblical hermeneutics and pluralism, and the author of several books.

- Geffré, Claude (1970). *Un espace pour Dieu*. Paris: Editions du Cerf.

- Geffré, Claude (1972). *Un nouvel âge de la théologie*. Paris: Editions du Cerf.

- Geffré, Claude (1983). *Le christianisme au risque de l'interprétation*. Paris: Editions du Cerf.

- Geffré, Claude (1991). *Passion de l'homme, passion de Dieu*. Paris: Editions du Cerf.

- Geffré, Claude; Jarczyk, Gwendoline (1999). *Profession théologien: quelle pensée chrétienne pour le XXI^e siècle?: entretiens avec Gwendoline Jarczyk*. Paris: Albin Michel.

- Geffré, Claude (2001). *Croire et interpréter: le tournant herméneutique de la théologie*. Paris: Editions du Cerf.

- Debray, Régis; Geffré, Claude; Vinson, Éric (2006). *Avec ou sans Dieu?: le philosophe et le théologien*. Paris: Bayard.

- Geffré, Claude (2006). *De Babel à Pentecôte: essais de théologie interreligieuse*. Paris: Editions du Cerf.

- Geffré, Claude (2012). *Le christianisme comme religion de l'Évangile*. Paris: Éditions du Cerf.

Thần học như là một soạn thảo mới trên cơ sở một đối chiếu không ngừng giữa các soạn thảo trước đó được đo lường và đáng giá bởi bản chất của chân lý mà thần học có trách nhiệm. Như vậy phải tìm cách đặc trưng các điểm riêng của chân lý thần học. Chúng ta có 3 đặc tính chân lý thần học sau đây.

a. Chân lý thần học thuộc hệ chứng từ

Đối tượng của tri thức thần học không phải là một khối toàn bộ các chân lý ý niệm. Ngay hành vi qua đó Thiên Chúa làm cho con người biết Ngài chính là một mẫu nhiệm. Trong chân lý của Thiên Chúa bằng hành vi tự tỏ hiện, Chúa Giê-su là nhân chứng không ai có thể vượt qua được. Chứng từ của Chúa Giê-su được diễn đạt thành các phát biểu đức tin qua đó nhà thần học làm việc. Chúng ta không bao giờ có thể tách biệt các phát biểu này khỏi biến cố của các phát biểu đó.

Như thế, chân lý Ki-tô giáo là một chân lý chỉ xảy đến trong biến cố luôn là hiện tại trong hành động loan báo và chân lý hoàn toàn hướng tới một sung mãn của tỏ hiện thuộc hệ cánh chung. Chúng ta có thể một cách thích đáng xích gần chân lý theo nghĩa Thánh kinh với bản thể của chân lý mà chính Heidegger đã hiểu (**H. SCHLIER, "Méditations sur la notion johannique de vérité" trong *Essais sur le Nouveau Testament*, Paris, Casterman, 1967, tr. 55-101**). Heidegger nói về chân lý nguyên thủy, nằm ở bên kia của phán đoán và chân lý đó không gì khác hơn chính là nơi sinh nở của ý nghĩa. Có nghĩa là tất cả chân lý liên kết với một không-chân lý gắn liền với tình trạng che phủ nguyên thủy. Cũng như vậy, chân lý mà thần học tìm kiếm luôn mang dấu tích của tình trạng che phủ nguyên thủy. Chân lý không bao giờ bị giảm thiểu trong các sự thật khách quan mà tri thức lý thuyết xử lý.

Nghĩa là không thể có tri thức thần học của sự thật đức tin khi không có tham dự sống động vào chính chân lý của Thiên Chúa đang tiến đến. Ngôn ngữ thần học có thể là một ngôn ngữ duy lý tư biện. Nhưng ngôn ngữ vẫn luôn là một ngôn ngữ dẫn thân, một ngôn ngữ tự nối kết các liên quan. Sự thật thuộc quyền chứng tá vì sự thật không gánh vác các sự thật có thể kiểm soát và chủ thể đức tin hoàn toàn có thể bao hàm trong hành vi loan báo. Như thế, sự thật mà nhà thần học viện dẫn là một sự thật cử hành nghi lễ, tuyên xưng. Chúng ta có thể xích sự thật lại gần các sự thật của lý tính thực tiễn theo nghĩa của triết gia Kant người Đức. Các sự thật đó không có sự hiển nhiên khách quan của một sự thật khoa học hay một sự thật triết học. Tuy vậy, không phải là các sự thật tùy tiện, bởi vì các sự thật này liên quan đến cùng đích cần thiết của con người: các sự thật này cần thiết nhân danh một hiển nhiên nội tâm (**P. RICOEUR, "L'herméneutique du témoignage", trong *Le Témoignage*, (Colloque Castelli), Paris, Aubier, 1972, tr. 35-61**).

Thế thì, thần học được dẫn trước bởi một sự thật mà thần học chỉ biết nhờ bởi chứng tá, **ex auditu**, và từ các chứng tá đó tới phiên thần học làm chứng. Thần học nhận biết rằng thần học bị bó buộc bởi một sự thật mà chính thần học không nắm trong tay mình. Ngôn ngữ thần học, cho dù là ngôn ngữ tư biện duy lý, cũng phải cảm nhận được tính "thụ nhận" tiên khởi này.

Hãy cho rằng ngôn ngữ thần học như một cử hành nghi lễ sự thật đã và luôn đến trong Chúa Giê-su Ki-tô, nó cần có một chiều kích tụng ca (doxologie). Nhưng trong cùng một lúc, ngôn ngữ thần học mang một tầm vóc thực tiễn vì thần học làm chứng tá cho một chân lý không ngừng tiến triển trong lòng thế giới và muốn nhập thể trong các dạng thức lịch sử mới.

Như thế, ngay cả nếu ngôn ngữ thần học không còn tư cách là ngôn ngữ duy lý tư biện nữa, không còn giá trị gợi ý và đề nghị của ngôn ngữ Kinh Thánh, thì ngôn ngữ thần học, từ cội rễ, là ngôn

ngữ thi văn nơi đây ngôn ngữ này là lý thuyết của hành động. Ngôn ngữ thần học phải khai thông các biểu đạt ý nghĩa mới trong Giáo hội và trong xã hội. Trong nghĩa đó, một cách bình thường, thần học có một trách nhiệm xã hội và chính trị (**P. RICOEUR, "Nommer Dieu", trong Etude théologique et religion 52, 1977, tr. 505-508**). Thần học thực hành một chức năng phán đoán đối với các thực tiễn của thế giới.

b. Chân lý thần học căn nguyên là lịch sử

Nếu, ngay lúc khởi đầu, sự thật Ki-tô giáo thuộc hệ chứng cứ, chứng cứ đã trở nên một văn bản, nghĩa là không có sự thật trực tiếp tức khắc, chân lý đến từ Đức Giê-su Ki-tô. Khi nói chứng tá, nghĩa là nói khoảng cách, bề dày nhân loại, diễn giải. Và cũng như thế cho các chứng tá mới, đó là các nền thần học đã có trong suốt lịch sử của Giáo hội. Vậy thần học không thể mơ rằng được đi tức khắc vào sự thật như sự thật trùng hợp với Lời Thiên Chúa ở tình trạng trong suốt hay với một biến cố lịch sử vào lúc khởi thủy. **Thần học theo thông diễn chỉ chạm đến chân lý các phát biểu đức tin trong viễn cảnh lịch sử.**

Vì lý do cho rằng các chân lý đức tin thì tuyệt đối, sai lầm của một vài thần học giáo điều quên rằng việc nắm bắt được các sự thật này với tâm trí nhân loại luôn là lịch sử và như thế là tương đối. Các phát biểu đức tin là thật hôm nay cũng như hôm qua, nhưng sự hiểu biết lệ thuộc vào khả năng ý thức của tâm trí ở một thời điểm lịch sử nào đó. Và mặt khác, sự thật của một phát biểu luôn xác định bởi tình trạng lịch sử của vấn nạn và trả lời, tình trạng đó chính là nguồn gốc của sự hình thành phát biểu này.

Tri thức thần học, như tri thức thông diễn, tham dự vào tính căn nguyên lịch sử của tình huống câu hỏi và trả lời. Cho dù đó là một tín điều hoặc một định nghĩa tín điều, hiểu biết đúng giả sử rằng chúng ta đã tạo ra tình huống thông diễn tốt, tình huống được xác định bởi phương pháp câu hỏi và trả lời (**E. SCHILLEBEECKX, "Le problème de l'infailibilité ministérielle". Réflexions théologiques, Concilium, 83, 1973, tr. 83-103**).

Ví dụ, thật hiển nhiên, chúng ta thấy rằng một định nghĩa tín điều là một "đáp án" chỉ có thể hiểu khi quy chiếu vào câu hỏi lịch sử, câu hỏi đã gây ra câu trả lời tín điều. Không có các xác quyết giáo điều ở trạng thái thuần khiết mà không quy chiếu đến một tình trạng cụ thể của Giáo hội, chung chung là một tình trạng khủng hoảng, mà không đánh dấu bởi các hệ thống đại diện của một thời kỳ.

Tất cả nhờ một công việc phê phán, nhà thần học đi đến phân biệt nhận thức nội dung sự thật thường hằng một định nghĩa tín lý và rồi chức năng cụ thể của trả lời cho một sai lạc đã xác định. Định nghĩa tín lý không trở nên sai hay lỗi thời trong một tình huống khác của Giáo hội. Nhưng tín điều có thể mặc lấy một ý nghĩa mới so với ý nghĩa nguyên thủy, ý nghĩa đã có trước đây trong một giáo hội cấp bách và giáo điều có thể thực hành một chức năng khác trong chương trình tổng quát của đức tin miễn là chân lý đức tin trên đó tín điều nhấn mạnh là đối tượng của một tài sản bảo đảm vững chắc và không có một phản bác nào.

Tất cả điều đã nói trên đây giúp chúng ta hiểu ở đâu là tương quan với sự thật thần học thông diễn. Tương quan với chân lý này không thể tách rời khỏi liên hệ hỗ tương giữa biến cố nền tảng và tình trạng hiện nay của cộng đồng Ki-tô giáo. Chúng ta từ bỏ ảo tưởng một sự thật-tán thành hay một sự thật-tương hợp, sự thật giả định rằng một đối tượng không thay đổi và một chủ đề tri

thức không bất biến. Từ khi Thiên Chúa mặc khải cho con người, yếu tố diễn giải của cộng đoàn Ki-tô hữu thuộc vào ngay nội dung của chân lý đức tin.

Như thế, sự thật Ki-tô giáo không phải là một cốt lõi bất biến, được truyền tải từ thế kỷ này sang thế kỷ khác dưới hình thức một kho tích trữ cố định. Sự thật là một xảy đến thường hằng giao phó cho rủi ro của lịch sử và của tự do thông diễn của Giáo hội dưới tác động của Chúa Thánh Thần. Rõ ràng là không đủ để luôn nói về nội dung của đức tin của tương quan giữa cốt lõi bất biến và chiều kích văn hóa biến chuyển. Chúng ta phải tránh khỏi ảo tưởng của ngữ nghĩa bất biến và tồn tại bên ngoài tất cả các ngẫu nhiên của diễn đạt (**J. GABUS, *Critique du discours théologiques*, Neuchatel, Delachaux et Niestlé, 1977, tr. 323**).

Xác định tín lý tồn tại ở ý niệm hoàn toàn chuyển tải và là khí cụ ngôn ngữ. Chúng ta phải nói đến tương quan của các tương quan. Tùy theo các tình huống lịch sử khác nhau của Giáo hội, sản sinh một tương quan mới giữa sứ điệp Ki-tô giáo và liên quan ngữ nghĩa mới lạ. Nhiệm vụ đặc trưng của nhà thần học chính là luôn làm tỏ hiện, tính thường không liên tục của truyền thống Ki-tô giáo, truyền thống sáng tạo các bề mặt lịch sử mới khi trả lời cho sự tiến đến thường hằng của chân lý nguyên thủy, chân lý được mặc khải trong Chúa Giê-su Ki-tô.

c. Chân lý thần học xem như là biểu đạt một đồng thuận giáo hội

Tùy vào những gì đã dẫn trước đây, chúng ta thấy rằng kinh nghiệm Ki-tô giáo về chân lý không trùng hợp với một tri thức hoàn toàn duy lý tư biện. Chân lý đức tin là một con đường phải đi, một diễn tiến thường hằng, một lộ trình chung. Chân lý trực thuộc hệ chứng tá và chân lý luôn nhập thể, gắn bó với tình trạng cụ thể của thế giới và của Giáo hội, mà chúng ta không thể tách rời chân lý khỏi các nơi chốn nó đạt đến.

Chúng ta có nên nói đến một sự thật đa thể trong thần học và không bị nguy cơ đưa vào các thông diễn không kết thúc? Chúng ta lại ở trong vấn đề bác bỏ của những người không chấp nhận xóa bỏ thần học giáo điều vì lợi ích của thông diễn học. Chúng ta có thể hay không thoát ra khỏi song đề khó chịu không thể lựa chọn: chúng ta phải chọn chủ thuyết giáo điều đông đặc hay tùy tiện của thông diễn bội nhân?

Đúng thực là diễn giải không phải là độc nhất vì có nhiều khả năng đọc trên cùng một bản văn và không thể thần thánh hóa sự thật một bản văn. Nhưng cũng đúng khi không thể chấp nhận việc diễn giải vô hạn. Có một khả thể nằm ở trong lãnh vực thông diễn được xác định bởi cộng đoàn diễn giải (**P. RICOEUR, trong phần kết luận cuộc hội thảo "Exégèse et Herméneutique", Paris, Seuil, 1971, tr. 295**). Bước dần vào trong sự thật thể hiện trong công nhận hồ tương giữa các chủ thể làm chứng cho một chân lý luôn không thể đạt tới. Đối với vấn đề này, nhà thần học rút tĩa bài học trong lý thuyết mới đây của J. HABERMAS, *la Konsensus-theorie*: sự thật là kết quả của một tiến trình thỏa thuận chung giữa hai đối tượng. Vấn đề là không phải việc đi đến thỏa thuận chung bằng mọi giá, nhưng một thỏa thuận chung không bạo lực, một tình trạng hiệp thông lý tưởng, không có các yếu tố bạo lực để có thể xáo trộn sự hiệp thông. Sự thật không trực thuộc vào tri thức tức khắc trực tiếp, nhưng là một tiến trình luận chứng giữa hai đối tác.

Đối với nhà thần học, lãnh vực thông diễn, không gian của chân lý, chính là Giáo hội như chủ thể tương ứng với đức tin. Giáo hoàng Phao-lô VI nói rằng "đức tin không phải là đa thể". Nhưng chúng ta phải hiểu tinh thần phát biểu này. Nếu chúng ta cho rằng đức tin như là một diễn dịch trong một ngôn ngữ, và đức tin không hiện hữu ở trạng thái thuần khiết ở bên ngoài nhập thể; chúng

ta có thể nói đúng khi nói một thống nhất đa thể của đức tin trong thời gian và trong không gian. Để vượt qua xung khắc có thể giữa các đòi hỏi của thống nhất và quyền có đa dạng thích đáng trong tri thức thông điệp của sự thật, chúng ta phải trở lại với kinh nghiệm của tất cả Giáo hội mà người ta chỉ định cùng nhau bởi *sensus fidelium* (ý nghĩa đức tin).

Chúng ta nhận thấy rằng đã có một tinh ý nhạy bén căn nguyên trong kinh nghiệm nền tảng của cộng đoàn Ki-tô hữu tiên khởi và trong các kinh nghiệm lịch sử sau đó của Giáo hội. Mặc dù có các gián đoạn lịch sử, những gì bảo đảm căn tính chủ thể của Giáo hội, không thể tách rời với ơn huệ thường hằng của Thần Khí chân lý (Ga 14,26) và căn tính của kinh nghiệm đức tin, căn tính trình bày không những chỉ ở trong các tuyên xưng đức tin, nhưng cũng nằm trong phụng tự cầu nguyện của Giáo hội và trong phục vụ tin mừng các mối phúc thật.

Chúng ta biết rằng nếu Giáo hội là môi trường thông điệp để xác định đúng và sai trong thần học thì quá chung chung. Thần học bắt buộc chúng ta luôn cung cấp các tiêu chuẩn bất khả ngộ. Chúng ta cũng đã nói nhiều lần trên đây rằng thật ảo tưởng khi tin rằng chúng ta có một tiêu chuẩn yên vị bất khả ngộ - hoặc ở ý nghĩa các phát biểu Thánh kinh hay tín điều - hoặc ở ý nghĩa quyết định của uy quyền Giáo hội Thầy và Mẹ bất khả ngộ. Chúng ta có thể nói một cách đơn giản rằng quy tắc của phán đoán thần học phù hợp với chân lý Thiên Chúa đã ban tặng cho chúng ta trong mặc khải, phải được tìm kiếm từ liên quan hỗ tương giữa kinh nghiệm nền tảng của Tân Ước và kinh nghiệm tập thể của Giáo hội được đánh dấu bởi các tình trạng lương tâm mới của nhân loại.

Giáo điều hay thông điệp? Dưới dáng vẻ ngây thơ, câu hỏi này là một câu hỏi ác hiểm: nó liên quan đến hiện trạng chân lý trong thần học. Ở đoạn cuối của giáo trình này, chúng ta phải hình thành 3 kết luận sau đây:

1. Thần học hiểu như mô thức thông điệp không phải là không tín lý. Nếu như thần học không đồng ý với phương cách giáo điều của một vài thần học kinh điển, thần học này **không bao giờ tự phụ đặt nghi vấn cho tính thích đáng của thần học tín lý** như là một trình bày chặt chẽ của các chân lý đức tin. Trong trường hợp ngày nay, chúng ta công nhận rằng không có một thần học phổ quát nữa, mỗi thần học cá biệt phải căn rễ ở trong Ki-tô giáo, chúng ta phải bày tỏ có và không của Tin Mừng và dẫn đến một phán đoán đã qua trên thế giới.

2. Thần học theo mô thức thông điệp giúp chúng ta tôn trọng tính đặc thù của chân lý mặc khải Ki-tô giáo, thuộc hệ chứng tá và không ngừng xảy đến trong hiện tại của Giáo hội. Thần học thông điệp mời gọi chúng ta một cách riêng đừng giảm thiểu các dấu ý nghĩa của mặc khải vào các biểu đạt ý niệm và đừng nhận định một cách đơn giản và thuần khiết lý lẽ thần học với lý lẽ tư biện (*spéculatif*).

3. Thần học thông điệp tương ứng với một tình trạng lịch sử của Giáo hội lúc đó Giáo hội bảo vệ chân lý được ban tặng trong Mặc khải. Chân lý đó không gắn kết với hiện hữu một thần học giáo điều độc đoán tự cho mình có tính phổ quát. Ở bên ngoài chủ thuyết giáo điều và sự tan vỡ của chủ nghĩa hỗn loạn, chúng ta được mời gọi phải tư duy lại với giá cả mới cho những gì có thể là thống nhất đa thể của chân lý Ki-tô giáo, và chân lý đó không làm tổn hại đến tính đồng nhất trong đức tin.

THƯ MỤC

- Chenu, M.-D. *Une école de théologie: le Saulchoir*, avec des études de G. Alberigo, E. Fouilloux, J.Ladrière, J.-P. Jossua, Paris, Éd. du Cerf, 1985; M.-D. Chenu, *Le Saulchoir. Una scuola di teologia*, intr. G. Alberigo, tr. N.F. Reviglio, revisione G. Pariani, G. L. Potestà, Casale Monferrato, Marietti, 1982.
- Geffré, C. « Le réalisme de l'incarnation dans la théologie du Père M.-D. Chenu », *Rev. Sc. ph. th.* 69 (1985), p. 389-399. Cf. C. Geffré, « Profession théologien: retour sur plus de quarante ans de pratique », *Laval théologique et philosophique* 62 (2006), p. 7-21 (= « Profession théologien », 2006), en particulier p. 9: « Je n'ai jamais été l'élève du Père Chenu qui avait connu l'exil dès 1942. Mais c'est lui qui m'a marqué le plus profondément du point de vue de ma conception de la théologie à partir de son discours-programme contenu dans son petit livre *Une école de théologie: le Saulchoir*. Et surtout quand je suis devenu moi-même régent des études, j'ai toujours entretenu une amicale complicité avec lui. »
- Geffré, C. *Avec ou sans Dieu?: le philosophe et le théologien*, Régis Debray et Claude Geffré, Paris, Bayard, 2006
- Geffré, C. *Croire et interpréter: Le tournant herméneutique de la théologie*, Paris, Éditions du Cerf, 2001
- Geffré, C. *Croire et interpréter*, p. 96. Dans ce texte est évoqué le discours de Jean-Paul II du 22 décembre 1986 sur l'esprit de la rencontre d'Assise d'octobre 1986; dans cette allocution, le pape affirme que, si les différences religieuses ne sont pas nécessairement un obstacle au dessein de Dieu, elles sont au moins la marque de l'unicité de ce dessein; la multiplicité des formes religieuses n'est pas en contraste avec l'unicité du dessein de Dieu visant à faire alliance avec l'humanité et à la sauver. Un des rôles de la théologie est de penser la pluralité des voies d'accès à Dieu sans compromettre la prérogative unique de la religion chrétienne.
- Geffré, C. *De Babel à Pentecôte*, coll. « Cogitatio fidei » 247, Paris, Éd. du Cerf, 2006.
- Geffré, C. *De Babel à Pentecôte: essais de théologie interreligieuse*, Paris, Éditions du Cerf, 2006.
- Geffré, C. *Le christianisme au risque de l'interprétation*, Paris, Éditions du Cerf, 1983 (1988)
- Geffré, C. *Le christianisme comme religion de l'Évangile*, Paris, Éditions du Cerf, 2012.
- Geffré, C. *Passion de l'homme, passion de Dieu*, Paris, Éditions du Cerf, 1991
- Geffré, C. *Profession théologien: quelle pensée chrétienne pour le XXI^e siècle?: entretiens avec Gwendoline Jarczyk*, Paris, Albin Michel, 1999 (Cerf, 2014)
- Geffré, C. *Un espace pour Dieu*, Paris, Éditions du Cerf, 1970 (1980, 1996)
- Geffré, C. *Un nouvel âge de la théologie*, Paris, Éditions du Cerf, 1972 (1987)
- Gibellini, R. La teologia del xx secolo, Brescia, Queriniana, 1993, p. 212-214. Sur le projet commun du Saulchoir, cf. Y. Congar, *Journal d'un théologien, 1946-1956*, éd. E. Fouilloux, Paris, Éd. du Cerf, 2001, p. 59-60: « Il s'agissait donc de restituer à la théologie sa dimension historique et sa dimension de connaissance religieuse vivante. »
- Oliva, A. « Quelques éléments de la doctrine théologique selon Thomas d'Aquin », dans *What is "Theology" in the Middle Ages? Religious Cultures of Europe (8th-15th Centuries) as reflected in Their Selfunderstanding*. International Conference at Warszawa, June 23-26, 2004, organized by the International Society for the Study of Medieval Theology and the Institute of Philosophy of the Polish Academy of Sciences in cooperation with the Thomas-Institute of Warszawa, edited

by R. Berndt and M. Olszewski together with H. Anzulewicz, M. Paluch and R. Stammberger, « Archa Verbi. Subsidia » 1, Münster, (sous presse). Cf. aussi A. Oliva, « La teologia di M.-D. Chenu », in *Dio dell'umanità, umanità di Dio, Atti del III Congresso teologico Espaces*, Pistoia 27 sett. – 1 ott. 2006, Firenze, Nerbini (sous presse).

- Schillebeeckx, E. « Le statut critique de la théologie », *Concilium*, Suppl. au n° 60, décembre 1970, p. 67.
- Schillebeeckx, E. « The New Critical Theory and Theological Hermeneutics », *The Understanding of Faith*, p. 124-127.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: TỪ KIẾN THỨC ĐẾN DIỄN GIẢI	2
Dẫn nhập.....	2
1. Nguyên nhân chuyển dịch hiện nay của thần học	2
<i>a. Tranh cãi trên kiến thức lịch sử</i>	<i>3</i>
<i>b. Tranh cãi trên kiến thức tư biện</i>	<i>4</i>
2. Các hệ quả đối với thực thi thần học theo hướng thần học thông diễn	5
<i>a. Một cách xử lý mới các môi trường truyền thống.....</i>	<i>5</i>
<i>b. Khớp nối luân chuyển mới về Kinh Thánh và Tín lý.....</i>	<i>6</i>
<i>c. Hành vi thần học như intellectus fidei chuyển dịch.....</i>	<i>7</i>
<i>d. Phát sinh các môi trường thần học mới</i>	<i>7</i>
CHƯƠNG II: CHUYỂN DỊCH THÔNG DIỄN HỌC HIỆN NAY VÀ HỆ QUẢ CHO THẦN HỌC MẶC KHẢI	10
1. Tranh luận (phản kháng) hiện nay về thông diễn học	11
2. Chuyển dịch thông diễn học hiện nay.....	12
<i>a. Thông diễn học lấy khoảng cách với thông diễn lãng mạn</i>	<i>13</i>
<i>b. Đặt vấn đề trên ý nghĩa khách quan của bản văn</i>	<i>13</i>
<i>c. Quay về ngôn ngữ trong tính cách đặc trưng nhất của nó.....</i>	<i>14</i>
3. Viễn cảnh mới của thần học mặc khải	14
<i>a. Thánh kinh là một chứng cứ và như thế đã là một thông diễn</i>	<i>14</i>
<i>b. Bản văn Kinh Thánh là Mặc khải của một thế giới mới và con người mới với điều kiện ở đó cấu trúc văn chương đã mang mặc khải.....</i>	<i>16</i>
<i>c. Không thể có cập nhật hóa Mặc khải nếu không sản sinh một thông diễn mới</i>	<i>17</i>
CHƯƠNG III: TỪ TÍN LÝ ĐẾN THÔNG DIỄN	19
(HOẶC CHÂN LÝ TRONG THẦN HỌC)	19
1. Bước qua từ mô thức tín lý đến mô thức thông diễn.....	19
2. Tầm lịch sử và thần học trong việc xóa mô thức tín lý	22
<i>a. Tan vỡ ý thức hệ nhất quán của hệ thống tín lý.....</i>	<i>22</i>
<i>b. Một khoa thần học luận mới (épistémologie)</i>	<i>24</i>
* Tranh cãi về chân lý như <i>adaequatio</i>	24
** Tương quan phủ hệ với chân lý.....	25
*** Vấn đề của chân lý thần học giáo điều	27
3. Chân lý thần học là một ngôn ngữ thông diễn	29
<i>a. Chân lý thần học thuộc hệ chứng từ.....</i>	<i>30</i>
<i>b. Chân lý thần học căn nguyên là lịch sử.....</i>	<i>31</i>
<i>c. Chân lý thần học xem như là biểu đạt một đồng thuận giáo hội.....</i>	<i>32</i>
THƯ MỤC.....	34
MỤC LỤC.....	36